

**Phẩm 17: CÔNG ĐỨC HOA TỤ BỒ TÁT THẬP HẠNH**

**A. GIẢI THÍCH TÊN GỌI:** Mười Độ làm lợi ích tươi nhuận Thế gọi là Công Đức, có công trang nghiêm cảm được như hoa kết trái, các hành tô điểm qua lại như hoa tích tụ. Lại nữa, Đức là Thể của hành, Hoa là Dụng của hành, Tụ là Tướng của hành, Bồ-tát là người có những đức ấy, đây là Hữu tài thích. Đây là tên gọi khác của Công Đức Lâm, tương tự như phẩm Kim Cang Tràng Hội Hương sau này. Thập Hạnh là pháp của phần vị là kèm theo số mà lập thành tên gọi. Thập Hạnh của Bồ-tát cũng dựa vào chủ mà có được tên gọi, người và pháp làm đề mục của chương.

**B. Ý ĐƯA RA:** Phần Tựa trước đây đã làm sáng tỏ, do đó phần Chánh tông cần phải hiển bày. Lại phần trước là chúng đã quy tụ, tiếp theo chính thức thuyết giảng truyền trao cho nên tiếp tục đưa ra.

**C. TÔNG THỨ** có ba:

- 1) Trình bày dựa theo Tam thừa nương vào pháp của phần vị.
- 2) Trình bày về pháp thuộc hạnh riêng biệt.
- 3) Pháp của hạnh vị Phổ Hiền thuộc Nhất thừa.

*Trong phần thứ nhất*, các Thánh giáo nói phân tán ra nhiều môn, thâm nhiếp tổng quát có mười: Một là phần vị của Nhân Độ trong hai Độ nhân-quả; hai là thuộc về Tinh tiến hạnh tăng-kỳ trong ba tăng-kỳ của Địa tiền trong bảy A-tăng-kỳ; ba là thành tựu về hạnh Tam-muội phá hư không khí giới trong bốn hạnh của Địa tiền; bốn là thành tựu chủng loại Lạc đức-Liễu nhân trong bốn đức Liễu nhân của Pháp thân; năm là người Thập Hạnh thứ ba trong bốn người phương tiện của Địa tiền. Trên đây đều như Lương Nhiếp Luận... nói. Sáu là phần vị Tư Tuệ thứ hai trong sáu Tuệ; bảy là Hạnh Nhẫn trong sáu Nhẫn; tám là thuộc về tánh của chủng tánh trong sáu chủng tánh. Trên đây đều như kinh Bốn Nghiệp... nói. Chín là thuộc về Trì hạnh phương tiện trong ba Trì, như luận Du Già-Địa Trì nói; mười là thứ ba chế phục loại trừ sợ hãi khổ đau của Thanh văn, khiến cho đạt được quả báo của Ngân Luân Vương làm vua ba thế giới hệ, trong bốn chương trừ bỏ của Địa tiền.

Thứ hai là trình bày về hạnh riêng biệt ấy, trong kinh Nhân Vương quyển thứ hai: “Phần vị tánh của chủng tánh có 10 tâm, đó là quán Thân-Thọ-Tâm-Pháp-Bất tịnh-Khổ-Vô thường-Vô ngã, ba thiện căn là Thí-Từ-Tuệ, ba ý chỉ đó là Nhẫn thuộc nhân quả khứ-Nhẫn thuộc nhân quả hiện tại-Nhẫn thuộc quả vị lai, đã vượt qua Tướng về Ngã-Nhân-Tri kiến-Chúng sinh..., và Tướng điên đảo của ngoại đạo vốn không thể

nào hủy hoại được.” Kinh Bốn Nghiệp cũng giống như vậy. Lại nữa, hạnh có hai loại: 1) Thông, đó là Thập Hạnh như Tín...; 2) Biệt, đó là Thập Độ này. Trong này trình bày về Biệt chứ không phải là Thông. Trong Biệt lại có hai, một là nhân, hai là quả. Trong này trình bày về nhân thuộc Ba-la-mật. Đây đều là dựa theo trong giáo Tam thừa nương vào pháp để hiển bày về hạnh.

Thứ ba là dựa vào Viên giáo để trình bày về hạnh Phổ Hiền, là trong Thập Hạnh này thâm nhiếp đầy đủ hạnh trong các phần vị trước sau, tất cả đều tận cùng. Vì thế cho nên lúc phần vị này đầy đủ thì đến phần vị cuối cùng, như Hạnh thứ mười đầy đủ nói là tự tại tiến vào pháp giới Nhân-đà-la võng, thành tựu vô ngại giải thoát của Như Lai, làm Đại Sư Tử Hống uy hùng giữa loài người, làm Pháp Luân Vương chuyển pháp luân vô ngại... Giải thích rằng: Đây là Bồ-tát trong phần vị cuối cùng hãy còn không phải là Phật, bởi vì ngay phần quả cho nên không thể nói được.

**D. GIẢI THÍCH VẤN:** Trong phần Chánh thuyết này có hai phẩm, phẩm đầu trình bày về những công hạnh ấy, phẩm sau hiển bày về những thành tựu ấy. Lại phẩm đầu là dựa theo hạnh cao thấp của phần vị, phẩm sau là tướng chung của hạnh từ đầu đến cuối. Lại phẩm đầu là phần vị, phẩm sau là công hạnh. Lại phẩm đầu là Tự phần, phẩm sau là Thắng tiến.

**Ngay trong phẩm đầu có bảy phần giống như trước:** 1) Phần Tam-muội; 2) Phần gia hộ; 3) Phần phát khởi; 4) Phần căn bản; 5) Phần thuyết giảng; 6) Phần chứng thành; 7) Phần kệ tụng. Vì sao như vậy? Bởi vì muốn trình bày dựa vào Chứng phát khởi thuyết giảng cho nên trước phải nhập Định, hiển bày về pháp thù thắng cho nên Phật cùng gia hộ, lúc thuyết giảng sắp đến cho nên từ Định đứng lên, lời nói không lập tức sáng tỏ cho nên tóm lược nêu ra phần căn bản, không phải là tóm lược có thể đầy đủ cho nên sau giảng giải rộng ra, hiển bày về pháp đã nói hợp với tất cả cho nên kết luận về Chứng cứu cánh, đối với pháp đã nói để cho dễ dàng thọ trì vì vậy có phần kệ tụng.

Trong phần thứ nhất, vì sao nhập Định thì có sáu ý, giải thích giống như trước. Trong này có ba: Một, nêu ra người nhập Định, nghĩa là thực hành thành tựu công đức như rừng, nói là mười bởi vì không khác cho nên gọi là Nhập. Hai, hiển bày không phải là sức của mình, nghĩa là suy ra cảm hóa quy về Phật, cho nên nói là Thừa lực. Ba, chính thức trình bày đạt được Định, nghĩa là thần sắc kín đáo chứng thực phù hợp, cho nên nói là Nhập.

Bồ-tát là nêu ra người riêng biệt, pháp lựa chọn quả Phật. Định khéo léo điều phục là nêu ra năng lực hiển bày về khác lạ. Thiện có hai nghĩa, một là nghĩa về năng lực khéo léo, hai là nghĩa về thuận với lý. Phục cũng có hai nghĩa, một là nghĩa về chế phục, hai là nghĩa về điều phục. Một là dựa theo chướng có thể khéo léo chế phục, khiến vĩnh viễn không khởi lên cho nên nói khéo léo điều phục; hai là dựa theo hạnh tu tập thực hành thuận với lý, hạnh điều phục cho nên nói là khéo léo điều phục. Tam-muội giải thích giống như trước.

Thứ hai là trong phần Gia hộ, có ba: Một, Tổng quát hiển bày về năng lực gia hộ; Hai, Giải thích về gia hộ bằng việc làm; Ba, Chính thức phân rõ về tướng gia hộ.

1) Trong phần một có năm: 1) Trình bày về chư Phật hiện thân; 2) Làm sáng tỏ về Phật cùng chung tên gọi; 3) Ca ngợi đạt được Định này; 4) Trình bày về đạt được Định nhờ vào gia hộ; 5) Đức Phật ấy tự mình giải thích về nguyên nhân đã thực hiện gia hộ.

*Trong phần một Hỏi:* Chư Phật này là đang ở một nơi vượt ra ngoài vô số quốc độ (sát trần) của vạn Đức Phật nhập lại có bấy nhiêu Đức Phật, hay là đang ở phân tán?

Đáp: Là ở phân tán. Vì sao phân tán? Lại như từ phương Đông vượt ra ngoài trần số quốc độ thuộc thế giới của vạn Đức Phật, có một Đức Phật danh hiệu là Công Đức Lâm. Từ đây hướng về phương Đông lại vượt ra ngoài trần số quốc độ thuộc thế giới của vạn Đức Phật, lại có một Đức Phật danh hiệu là Công Đức Lâm. Như vậy hướng về phương Đông lần lượt chuyển tiếp số lượng đến thế giới của vạn Đức Phật, trần số chư Phật đều cách xa nhau, số cũng giống như trước; như phương Đông, chín phương còn lại cũng như vậy. Lại nhiều Đức Phật gia hộ là bởi vì tăng trưởng tâm cung kính người-tôn trọng pháp của Đại chúng. Lại vốn là hiển bày về lực của chư Phật hội tụ cùng thuyết giảng.

2) Phật cùng chung tên gọi, có bốn ý giống như trước: Một là bởi vì làm cho Công Đức Lâm thêm vui mừng; hai là bởi vì chư Phật cùng đạt được pháp này; ba là bởi vì hiển bày trong phần vị này có đủ hai đức của nhân-quả; bốn là ở môn này được Phật chủ động gia hộ, pháp vốn như vậy đều được tên gọi là Công Đức Lâm, vốn là nhờ vào pháp lực.

3) Trong phần ca ngợi đạt được Định này, mới có năng lực là nói về hiếm có vượt qua, hiển bày về năng lực tiến vào Định hiếm có này. Nguyên cơ thể nào? Bởi vì Công Đức Lâm im lặng tiến vào Định này, Đại chúng đã không biết tiến vào là pháp gì, không có tâm khao khát ngưỡng mộ, không có thể nói cho biết, đợi Đức Phật khen ngợi hiển bày

thì Đại chúng mới khởi tâm mong muốn ưa thích.

4) Đạt được Định này nhờ vào gia hộ, nghĩa là chư Phật từ các phương khác tự nói rõ ràng đã thực hiện gia hộ khiến cho vị ấy đạt được Định.

5) Trong phần giải thích về nguyên nhân tự mình đã thực hiện gia hộ, có ba câu: Một, Bởi vì nguyện lực vốn có của Phật Lô-xá-na, cho nên thực hiện gia hộ. Vì sao? Bởi vì Địa Luận giải thích: Lô-xá-na trong quá khứ từng thấy có một Đức Phật Lô-xá-na gia hộ Bồ-tát thuyết giảng về pháp Thập Hạnh này, Đức Phật chủ động gia hộ cùng tên gọi Công Đức Lâm, nhân đó liền phát nguyện: Nguyện cho con thành Phật cũng có sự việc này, nay thành tựu như xưa, cho nên gia hộ. Hai, Nói rằng cũng là uy lực của Phật Lô-xá-na hiện tại cảm ứng với nhau cùng gia hộ, cho nên gia hộ mà thôi. Ba-Nói rằng lại bởi vì lực thiện căn của các Bồ-tát nghe pháp này cảm được chư Phật cùng gia hộ. Lại nữa, trước là nói về Thập Trụ thì nói bởi vì lực thiện căn của Pháp Tuệ, nay nói các Bồ-tát là hiển bày về trước yếu kém ở đây hơn hẳn cho nên nhiều. Lại nữa, trước là hiển bày về Tự lợi tăng lên, ở đây hiển bày về Lợi tha rộng rãi. Lại nữa, là văn sơ lược phỏng theo hiển bày lẫn nhau, lý thật thì đều có như nhau.

*Trong phần hai là trình bày về gia hộ bằng việc làm:* Câu đầu là tổng quát, nghĩa là muốn giúp cho ông thuyết giảng rộng về Thập Hạnh pháp giới của Phổ Hiền, các phần vị trước sau và các nhân hạnh, không có gì không đến nơi này, không có gì không thâm vào nơi này, cho nên nói là rất sâu xa (thậm thâm). Rất sâu xa có chín loại:

1) Nuôi giữ quả sâu xa, nghĩa là nhân vốn có tăng lên khiến cho thành tựu quả, đây là dựa theo Trí của mình.

2) Chiếu rọi tánh sâu xa, nghĩa là phân tích chủng loại sai biệt về tánh của chúng sinh. Lại biết tánh chủng khác nhau. Lại giải thích rõ ràng thông suốt đối với Như Lai Tạng tánh của chúng sinh, cho nên nói là phân biệt. Lại biết một chúng sinh thì đầy đủ tất cả pháp môn và tất cả chúng sinh, bởi vì tánh dung thông mà phân biệt. Như trong Hạnh thứ tám ở văn sau nói: Không lìa một chúng sinh mà theo nhiều chúng sinh, không lìa nhiều chúng sinh mà theo một chúng sinh, không tăng thêm chúng sinh giới, không giảm bớt chúng sinh giới. Cho đến nói: Bồ-tát hiểu sâu xa về chúng sinh giới-pháp giới không có hai, trong pháp không có hai không có tăng thêm-không có giảm bớt, không có sinh-không có diệt, là pháp tánh chân thật... Đây là dựa theo những điều đã nhận biết.

3) Trừ chướng ngại sâu xa, nghĩa là chướng dựa theo phiền não, ngại là dựa theo điều đã nhận biết, chướng tử hiện hành đang huân tập đều không còn, cho nên nói là lìa tất cả... Nếu theo Tam thừa thì trong này dựa vào điều phục chướng ngại tối tăm hiện hành, sợ hãi khổ đau của hàng Thanh văn.

4) Tiến vào pháp sâu xa, nghĩa là chứng thực tiến vào cảnh chân lý mà tâm không ngăn ngại, cho nên nói là vô ngại. Kệ sau nói: Đều tiến vào các pháp giới, tùy thuận đến bờ giải thoát, cuối cùng đạt được tự tại, luôn luôn thực hành giáo pháp. Lại cũng có thể tiến vào cảnh của pháp giới Đế võng ngay trong nhau-hòa vào nhau viên dung tự tại vô ngại. Văn sau nói: Tiến vào pháp giới Nhân-đà-la võng, tự tại thành tựu vô ngại giải thoát của Như Lai. Là nói đến nghĩa này.

5) Phương tiện khéo léo sâu xa, nghĩa là khéo léo dùng một pháp thâm nhiếp tất cả các pháp, lại khéo léo dùng một công hạnh-một phần vị đều thâm nhiếp tất cả, một thân hưởng về với tất cả, có-không có đều không vướng mắc, nhiều môn khéo léo như vậy cho nên nói là thành tựu tất cả phương tiện. Văn sau nói là cùng tận biển rộng phương tiện của chư Phật.

6) Thành tựu quả sâu xa, nghĩa là có thể thành tựu quả của Chứng trí, trước nuôi giữ là dựa vào bắt đầu, ở đây thành tựu là dựa theo cuối cùng, vốn là Trí chủng như lượng phân biệt mà biết.

7) Lý trí sâu xa, nghĩa là như lý trí hiểu rõ tất cả các pháp đều một tánh như nhau.

8) Biết về căn sâu xa, nghĩa là khéo léo biết căn khí sai biệt của chúng sinh, lại biết thuần thực-không thuần thực khác nhau, lại biết cùng một tánh như nhau, lại biết một căn là tất cả các căn; như nói về các căn hải.

9) Nghe giữ sâu xa, nghĩa là thành tựu mười loại Đại Đà-la-ni, như nói trong Hạnh thứ chín ở văn sau.

Sau là một câu kết luận, nghĩa là nói rộng ra như trên, tổng quát và riêng biệt về mười loại pháp rất sâu xa là pháp của phần vị nào? Đó chính là Thập Hạnh của Bồ-tát.

*Trong phần ba là tướng gia hộ, có ba:* Một, một câu khuyến khích thuyết giảng là khẩu nghiệp gia hộ. Hai, trong ý gia hộ có hai: Trước là gia hộ, sau là giải thích. Đây đều là ngay lúc ấy có sự việc chứ không có thuyết giảng, người kết tập như sự việc mà kết tập lại. Trong phần trước có mười câu: Một câu đầu là tổng quát, chín câu còn lại là riêng biệt.

Hỏi: Vì sao trong Hội này trao cho pháp, Hội trước thì trao cho

trí?

Đáp: Đã trao cho là một, nhưng Hội trước là thành tựu về Giải, thấy lý tăng lên cho nên gọi là trí; trong Hội này là thành tựu về Hạnh, quỹ phạm tăng lên cho nên gọi là pháp.

Đầu là trong tổng quát, nghĩa là phát khởi thuyết giảng tự tại gọi là vô chướng ngại, lại trao cho Vô ngại biện tài để thuyết giảng không vướng mắc trở ngại. Sau là trong riêng biệt:

1) Đối với pháp không nghi ngờ, tình thức không có duyên gì khác, cho nên nói là an trú; lại trao cho trí Vô úy khiến cho lúc thuyết giảng, tâm được yên ổn không sợ người khác phá hoại.

2) Hiểu biết phát sinh từ bên trong, cho nên nói là không có thầy; lại trao cho trí giống như Phật, khiến cho ở trước Đại chúng thuyết giảng giống như Phật, vốn là không có thầy.

3) Thấy pháp rõ ràng, cho nên nói là không có si mê, bởi vì không xen tạp vô minh; lại khiến cho lúc thuyết giảng không có chướng ngại do nhận biết.

4) Thấy pháp theo thứ tự, cho nên nói là không rối loạn; lại không xen tạp Thừa khác và chương cú của thế gian...

5) Pháp đã hiểu biết thật sự đúng đắn, cho nên nói là thanh tịnh, lại Thể của trí không sai lầm.

6) Pháp đã hiểu biết nhiều rộng, cho nên nói là vô lượng, lại là phù hợp với pháp môn Pháp giới.

7) Pháp đã hiểu biết sâu xa thù thắng, cho nên nói là thù thắng nhất, lại tương ứng với pháp của quả.

8) Khiến cho lúc thuyết giảng không kiêu mạn-không nịnh bợ-không lười nhác-không tham lam, cho nên nói là vô cấu.

9) Pháp đã đạt được không quên, cho nên nói là không lui sụt, lại nói không có lui sụt mất đi, lại không có lui sụt đối với lý, lại không có lui sụt khuất phục.

Ba, giải thích về nguyên nhân gia hộ cùng với thân nghiệp gia hộ và phần phát khởi, đều giải thích giống như trước.

*Trong phần bốn là phần Căn bản có hai:* Một là Thể của hạnh, hai là Tướng của Hạnh. Trong phần một là Thể của Hạnh, hạnh nghiệp không suy nghĩ là nêu ra Thể để hiển bày đức, nghĩa là hạnh Phổ Hiền viên dung này đầy đủ đức vượt lên trên tình thức gọi là không thể nghĩ bàn. Hạnh không thể nghĩ bàn này gồm có mười loại:

1) Bởi vì rộng lớn, nghĩa là dùng tất cả các thân, ở tất cả mọi nơi, khắp tất cả mọi lúc, trong từng niệm niệm đều tu hạnh xứng với pháp

giới, cho nên hạnh này gọi là không thể nghĩ bàn.

2) Bởi vì rất sâu xa, nghĩa là hạnh rộng lớn này thì không thể nào suy nghĩ kể ra, đều không có tự tánh, là giống với chân như, mà tướng của hạnh ấy rõ ràng không mất, là hạnh của tánh khởi, cho nên cũng không thể nghĩ bàn.

3) Bởi vì thù thắng, nghĩa là vượt quá Thừa khác, không phải là phần vị dưới mà tính toán được, cho nên cũng không thể nghĩ bàn.

4) Bởi vì thâm nhiếp phần vị, nghĩa là hạnh này ở Địa tiền có thể thâm nhiếp tất cả các phần vị trước sau, gọi là không thể nghĩ bàn.

5) Bởi vì chứng lý, nghĩa là hạnh này có thể chứng lý không thể nghĩ bàn, gọi là không thể nghĩ bàn.

6) Bởi vì đoạn trừ chướng ngại, nghĩa là hạnh này có thể lập tức đoạn trừ chướng ngại khó đoạn trừ không thể nghĩ bàn.

7) Bởi vì Lợi tha, nghĩa là hạnh này có thể trong một niệm làm lợi ích nhiều đến cùng tận chúng sinh giới, cho nên không thể nghĩ bàn.

8) Bởi vì viên dung, nghĩa là một hạnh tức là tất cả các hạnh, tất cả các hạnh tức là một hạnh, khó xác định số lượng cho nên gọi là không thể nghĩ bàn.

9) Bởi vì trở lại thành tựu, nghĩa là hạnh này đã thực hiện trùng trùng vô tận như Nhân-đà-la-võng, cho nên không thể nghĩ bàn.

10) Bởi vì thành tựu quả, nghĩa là có thể thành tựu quả Phật không thể nghĩ bàn, cho nên cũng không thể nghĩ bàn.

Sở dĩ phân rõ về mười là muốn hiển bày về vô tận, như Đại Long đã thực hiện... trong kệ sau, dựa theo biết rõ. Đây là dựa theo Viên giáo phân rõ. Nếu dựa theo Tam thừa thì không có thể đưa ra giải thích như vậy, bởi vì hạnh này hãy còn là phần vị hữu lậu.

Rộng lớn như pháp giới-tận cùng như hư không, là hiển bày về tướng không thể nghĩ bàn trước đây. Nhưng pháp giới có mười, như văn sau nói. Nay đưa ra hai môn để giải thích về hạnh này, nghĩa là hạnh rộng lớn gọi là Quảng, hạnh sâu xa gọi là Đại, Quảng này-Đại này đều xứng tánh mà thành tựu, cho nên nói là như pháp giới. Hư không cũng có mười nghĩa, như nói ở phần Thân hư không của Địa thứ tám trong văn sau. Nay cũng đưa ra hai nghĩa: 1) Hạnh có thể phá tướng chứng nhập đến tận cùng pháp tánh hư không, cho nên nói là cứu cánh như hư không. 2) Hạnh có thể sinh ra vô lượng quả yêu quý, như dựa vào hư không hiện rõ màu sắc, màu sắc vô tận cho nên nói là cứu cánh như hư không.

Hai là trong giải thích: Trước là nêu ra, sau là giải thích. Bởi vì

hạnh này vốn là công hạnh của chư Phật ba đời, cho nên như vậy. Lại giải thích: Hạnh nghiệp trước đây là quán về tướng thiện quyết định, không nghĩ bàn là thiện chân thật, pháp giới là thiện thù thắng, như hư không là nhân của thiện, học ba đời... là không yếu hèn, còn lại giải thích giống như Hội trước.

*Trong phần hai là Tướng của Hạnh:* Một là nêu ra số để hiển bày chủ yếu, nghĩa là bởi vì chư Phật ba đời cùng thuyết giảng như nhau; hai là nêu ra tên gọi.

*Nghĩa của Thập Hạnh này sơ lược đưa ra mười môn phân biệt:* 1) Giải thích tên gọi; 2) Thể tánh; 3) Kiến lập; 4) Chứng loại; 5) Tướng của tu; 6) Xác định phần vị; 7) Hành tướng; 8) Thân đã dựa vào; 9) Chương đã rời xa; 10) Quả đã đạt được.

1) *Giải thích tên gọi* có hai: Mười loại như Thí-Giới... thuận theo Thể của hạnh làm tên gọi, mười loại như Hoan Hỷ... dựa theo Dụng của hạnh làm đề mục. Nay phân rõ về tên gọi sau. Trong đó tên gọi chung như đầu phẩm giải thích. Tên gọi riêng: Một là Bồ thí làm vui lòng mình và người gọi là Hoan hỷ, hoan hỷ do thực hành gọi là Hoan hỷ hạnh, đây là dựa theo tự mình vui mừng, là Trì nghiệp thích; lại cũng thực hành hoan hỷ gọi là Hoan hỷ hạnh, đây là dựa theo làm cho người khác hoan hỷ, thành tựu Tự hành vốn là Y chủ thích. Hai là giữ gìn ba tụ giới thanh tịnh làm lợi ích cho mình và người. Ba là năng lực nhẫn nhục dứt trừ sự giận dữ của mình và người. Bốn là luôn luôn chịu khó tu tập đầu nhiếp công đức thù thắng vô tận. Năm là Chỉ-Quán cùng vận dụng bất dứt ngu si mê loạn ấy. Sáu là Bát-nhã chiếu rọi lý, pháp thiện hiện bày rõ ràng; lại quán sát Thật tướng của pháp, Bát-nhã hiện rõ trước mắt. Bảy là khéo léo phát khởi công hạnh thù thắng, không vướng mắc đối với Không; lại dùng tâm không đắm say để phát khởi các công hạnh. Tám là Đại nguyện vô ngại đầu nhiếp thiện căn thù thắng, sâu xa đáng tôn trọng. Chín là thông hiểu sâu xa về căn khí, khéo léo đối với pháp giáo hóa. Mười là lời nói và việc làm tương ứng, không nhận lấy tên gọi trống rỗng.

Lại trong mười loại này thích hợp được tên gọi có ba, đó là loại thứ tám thuận theo đức lập thành tên gọi, loại thứ ba-thứ năm-thứ bảy dựa theo là xa lổi lằm mà được tên gọi, còn lại đều thuận theo công năng làm tên gọi, có thể biết.

2. *Thể tánh có hai:* Trước là tổng quát, sau là riêng biệt. Trong tổng quát có ba môn: Một, Dựa theo nơi nương tựa, dùng Tam-muội Thiện Phục làm Thể, bởi vì dựa vào Định này để chứng Thể của Thập



Hạnh, sau đó mới thuyết giảng. Địa Luận nói Tam-muội này vốn là Thể của pháp. Hai, Dựa theo căn bản, dùng hạnh nghiệp không thể nghĩ bàn... trong phần căn bản để làm tánh, đây là mười nghĩa về suy nghĩ kể ra rộng lớn... như trước giải thích, bởi vì căn bản là thuyết giảng về rộng lớn, cho nên lấy làm Thể. Ba là thâm nhiếp tất cả, dựa theo Cảnh là hai Đế cùng dung hòa, dựa theo Hành là Bi-Trí vô ngại; lại tâm-cảnh viên dung, pháp giới vô ngại, đầy đủ vô biên công đức để làm Thể tánh, suy nghĩ có thể thấy.

Hai là phân rõ riêng biệt về Thể tánh, tất cả đều như sau phân rõ ở phần giải thích văn (những môn còn lại cần phải riêng biệt đưa ra).

Trong phần năm là phần Thuyết giảng, giải thích về Thập Hạnh có hai phần: Một là phần quả, bởi vì cùng chung tánh hải bình đẳng không thể nào nói được, cho nên trong này không luận đến. Hai là phần nhân, dựa theo tùy duyên mà nói thì có bốn lớp: 1) Chỉ dựa theo hạnh của phần vị kê sát, như kinh Nhân Vương và kinh Bốn Nghiệp... nói. 2) Chỉ trình bày về tự Thể của hạnh Phổ Hiền, như phẩm Phổ Hiền Hạnh ở sau nói, ở đây không dựa vào phần vị. 3-Dùng hạnh thuộc tự Thể thuận theo phần vị mà nói, tức là như trường hàng đã nói trong này. 4-Hội tụ thâm nhiếp tướng của phần vị thuận theo hạnh viên dung của tự Thể, như trong kệ ở sau nói.

Nay trong phần thuyết giảng chỉ phân rõ về hai lớp sau, trong văn có hai: Đầu là trình bày về Thập Hạnh của một thế giới này, sau từ “Như thử...” trở xuống là trình bày về Thập Hạnh trong thế giới mười phương, bởi vì một thế giới này thuyết giảng thì tất cả các thế giới thuyết giảng, cho nên hợp lại làm một Bộ.

*Trong phần đầu có hai:* Một là chính thức phân rõ về Thập Hạnh, hai là mặt đất rung động... hiển bày về tướng lợi ích của thuyết giảng.

Trong phần một giải thích riêng biệt về Thập Hạnh, tức là làm thành mười đoạn.

***Giải thích trong Hạnh thứ nhất là Bồ thí Ba-la-mật, đưa ra sáu môn:***

Một, Phân rõ về Thể tánh có ba: 1) Dựa theo Tùy tướng cũng có ba: a) Bởi vì thiện căn không tham; b) Căn ấy đi cùng tư duy; c) Cùng chọn lấy Vô biểu của ba nghiệp. Giả-thật cùng luận ba loại này làm tánh, đây là dựa theo Sơ giáo. 2) Dựa theo tánh thì hoặc là dùng chân như làm tánh, luận Khởi Tín nói: “Biết Thể của pháp tánh không có tham keo, tùy thuận tu hạnh Đàn Ba-la-mật, đây là hiển bày thuận theo công đức không tham giống như trong pháp tánh”. Đây là dựa theo

Chung giáo. 3) Dựa theo thật thì theo văn sau ở trong Bồ thí môn đã thâm nhiếp pháp giới viên dung vô tận làm tánh. Đây là dựa theo Viên giáo.

Hai- Trình bày về Chủng loại, Thí có ba loại, đó là Tài-Pháp và Vô úy thí. Trong Tài thí cũng có ba, đó là Ngoại-Nội và cả hai.

*Trong Ngoại thí có hai:* 1) Vật không có lỗi lầm tùy theo xin liền cho; 2) Vật có sai lầm, đó là dao gậy-lưỡi giăng-thuốc độc... đều không nên cho, bởi vì tăng thêm bất thiện.

*Trong Nội thí cũng có hai:* 1) Dựa theo tự mình phá tâm bản xin đối với người ấy có ích thì liền giúp cho, nhưng cũng có hai: a) Thí cho sức lực của thân...; b) Thí cho từng bộ phận của thân thể... 2) Nếu tâm bản xin của mình đã phá, đối với người ấy hoặc là tuy có an lạc mà không có lợi ích, hoặc là cả hai đều không có nhiều lợi ích an lạc giống như hữu tình khác thì không nên giúp cho; hoặc vốn là ma trời... muốn làm tổn hại Bồ-tát mà không giúp cho thì không phạm, bởi vì cứu giúp nghiệp ác kia. Trên đây đều như Du-già... nói. Hoặc là Bồ-tát sơ tâm chưa có năng lực chịu đựng khổ sở, tạm thời hứa mà không giúp cho thì cũng không phạm. Vì vậy luận Thập Trú nói rằng: Khiến cho nói kệ an ủi người cầu xin ấy, nói rằng đạo tâm tôi mới phát, thiện căn chưa thành tựu, nguyện cho tôi mau chóng thành tựu, sau này nhất định sẽ tự mình giúp cho.

*Trong cả hai cũng có hai:* 1) Thân và ngôi vua là Y báo-Chánh báo cùng xả bỏ, cho nên nói là Nội-Ngoại thí, nói như Thập Tạng. 2) Nhỏ thức ăn và tóc móng cũng đều là Nội-Ngoại thí, nói như Du-già...

Hai là Pháp thí đến phần Hồi Hưởng thứ mười sẽ phân rõ về điều đó.

Ba là Vô úy thí, hoặc là dùng Tài thí để cứu giúp nguy khốn, hoặc là dùng Pháp thí để giữ lại thân mạng, hoặc là giúp cho cả hai để tránh khỏi khổ đau, đều là Vô úy thí. Hoặc cả hai đều không phải, đó là đối với oán thù không đền trả..., hoặc là cứu giúp trừ hết khốn khổ. Nói tổng quát có hai loại: 1-Căn duyên tương ưng là cứu giúp; 2-Gây ra nghiệp nhận chịu quả báo, hai loại nhất định tạm thời rời bỏ.

Lại nữa, chủng loại về Vô úy thí này, trong Du Già và Địa Trì luận có chín môn, phẩm Thập Tạng và phẩm Ly Thế Gian đều có mười môn, Hồi Hưởng thứ sáu có 120 môn, đều nói như trong những phần ấy.

Ba, Thâm nhiếp có hai: 1) Dựa theo ba Đàn thâm nhiếp hành sáu Độ, nghĩa là Tài thí thâm nhiếp một Độ; Vô úy thí thâm nhiếp hai Độ, bởi vì Trì giới cho nên đứng ra phải giết mà không giết, bởi vì Nhẫn nhục

cho nên đứng ra phải báo thù mà không báo thù; Pháp thí thâm nhiếp ba Độ, nghĩa là chịu khó thuyết giảng, một lòng thuyết giảng, thuyết giảng không trái ngược. Bởi vì bốn loại như phương tiện... giúp đỡ sáu Độ trước, cho nên Thập Hạnh chung quy là do loại thứ nhất thâm nhiếp. 2) Chỉ một Tài thí cũng là mười Độ và vạn hạnh..., như sau nói trong Địa thứ bảy, nên biết!

Bốn, Nhân quả có ba: 1) Tùy theo phạm vi của quả, đó là Đại-Tài v.v... 2) Phần vị của quả, đó là Địa tiền thuộc nhân, Địa thượng thuộc quả v.v... 3) Đạt được quả Phật, luận Phật Tánh quyển thứ hai nói: “Xả có hai loại: Một là do xưa kia xả vật để giúp cho người khác, cho nên nay đã giảm bớt tham ái. Hai là do xưa kia xả pháp giúp cho người, cho nên nay đã diệt bớt vô minh. Do xả này cho nên tham ái vô minh đều có phần giảm dần, nhờ vào nhân duyên này mà đạt được quả giải thoát.” Lại thành tựu Đại công đức tụ của Phật quả..., nói như phẩm Phổ Hiền.

Năm, Hạnh bí mật, kinh Thương Chủ Thiên Tử nói: “Lại tiếp tục hỏi: Văn Thù Sư Lợi, ông lẽ nào bunn xin hay sao? Đáp rằng: Tôi thật là bunn xin. Lại hỏi: Vì sao? Đáp: Nếu tâm không xả thì đã gọi là bunn xin. Lại hỏi: Vì sao không xả gọi là bunn xin? Đáp: Tôi thường không xả pháp chúng của chư Phật mà không xả tất cả chúng sinh, bởi vì nghĩa này cho nên nói tôi là bunn xin.”

Sáu, Trong phần giải thích văn có ba, đó là nêu ra-giải thích và kết luận.

*Trong giải thích có hai:* Trước là trình bày về Tài thí, sau từ “Quán sát...” trở xuống là trình bày về Pháp thí.

*Trong phần trước, Pháp sư Ý ở Bắc Đài nói:* Trước là trình bày về Thể của hạnh, sau từ “Bồ-tát tu hoan hỷ hạnh thời...” trở xuống là Hạnh này sửa trị làm cho thanh tịnh.

**Lại giải thích phân ba:** Một, trình bày về hạnh thuận theo lý tự mừng vui hoan hỷ; hai, từ “Bồ-tát tu...” trở xuống là được vật như tâm mong cầu khiến cho người khác sinh lòng vui thích; ba, từ “Ly chư ngã tướng...” trở xuống là trình bày về lìa ba Luân để thành tựu Đàn độ.

*Trong phần một,* trước là giải thích, sau là kết luận.

*Trong giải thích có ba:* Một là chính thức thực hành về hạnh bố thí; hai là lựa chọn điều đã lìa xa; ba là hiển bày về điều đã mong cầu.

*Trong phần một có ba:* 1) Thí chủ, luận Đối Pháp quyển thứ tám nói: “Làm Đại thí chủ, đây là hiển bày về nghĩa thường xuyên bố thí, do thói quen xuyên suốt trở thành tánh, luôn luôn chủ động bố thí cho nên

làm chủ.” Là bỏ tất cả là giải thích hiển bày về nghĩa của chủ, tức là giải thoát buông xả tự tay mình bố thí. 2) Tâm bình đẳng..., là nghĩa về bố thí không có cố ý bênh che trong luận. 3- Thực hành thành tựu Đại Hỷ, cho nên nói là không ân hận gì.

Hai là điều đã lìa xa, là ý thích vô nhiễm trong Đối Pháp. Trong đó có bốn câu: 1) Không trông mong quả báo tiền của tài sản ở vị lai; 2) Không mong cầu danh tiếng ở hiện tại; 3) Không mong mỗi nơi chốn thù thắng của trời-người ở tương lai; 4) Không hy vọng lợi dưỡng ở hiện tại.

Ba là điều đã mong cầu, đã không mong cầu quả báo... thì làm vì điều gì? Mười câu sau hiển bày về ý này: 1) Cứu giúp nỗi khổ nghèo khó ở hiện tại; 2) Thâu nhiếp làm cho hướng về đạo; 3) Lợi ích giúp cho tu tập thực hành hạnh của giải thoát. Ba loại trên đây là dùng bố thí chúng sinh để thâu nhiếp chúng sinh. 4) Học tập công hạnh vốn có xưa kia của chư Phật, là bắt đầu thuộc Tự phần. 5) Đích thực nhớ lại, là cuối cùng thuộc Tự phần. 6) Bắt đầu thuộc Thắng tiến; 7) Là cuối cùng thuộc Thắng tiến. Bốn loại trên đây là tùy theo chúng sinh mà thực hành. 8) Hiển bày làm cho lớn mạnh, hạnh này làm cho người khác luyện tập bố thí. 9) Thực hành đầy đủ rồi thuyết giảng, khiến cho người khác tiếp nhận học hỏi. 10) Kết luận về ý truyền dạy. Ba loại trên đây là dùng thực hành để làm lợi ích cho chúng sinh.

**Trong Hạnh thứ hai là Đối Duyên bố thí** chúng sinh làm cho chúng sinh vui mừng, có hai: Một- Tổng quát để nêu ra; hai- Từ “Tùy phương...” trở xuống là riêng biệt hiển bày về tướng ấy. Trong đó có hai: Trước là trình bày về phương tiện tu hạnh bố thí, sau từ “Ư niệm niệm...” trở xuống là chính thức trình bày về thành tựu hạnh.

Trong phương tiện, nơi nghèo khổ là dựa vào thừa ruộng vốn khổ, nguyện sinh là dựa vào nguyện. Đối Pháp nói: “Dựa vào nguyện tu, nghĩa là bởi vì dựa vào nguyện lực vốn có mà tu tập Chánh hạnh đối với Ba-la-mật-đa.” Giàu sang là dựa vào quả báo để tu trong Đối Pháp, nhờ vào lực thù thắng của tự Thể mà tu tập Chánh hạnh đối với Ba-la-mật-đa; tiền của vô tận là dựa vào rất nhiều tài sản mà tu thành tựu hạnh bố thí.

Hai từ “Ư niệm...” trở xuống là trong phần chính thức trình bày về hạnh bố thí, theo trong Đối Pháp luận quyển thứ 12: “Bồ-tát dựa vào sáu loại ý thích để tu tập Ba-la-mật-đa: 1) Ý thích không chán ngán, nghĩa là các Bồ-tát trong một sát-na đối với một hữu tình, giả sử đem bảy báu trong khắp thế giới như số cát sông Hằng dùng để bố thí,

lại dùng thân mạng như số cát sông Hằng để bố thí, như vậy trải qua Đại kiếp như số cát sông Hằng; như đối với một hữu tình đã như vậy, cho đến tất cả hữu tình giới cũng như vậy, lúc bố thí đều khiến cho họ mau chóng được thành tựu tu hành đối với A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam Bồ-đề. Lúc bố thí sai biệt như vậy, ý thích của Bồ-tát hãy còn không thỏa mãn, đó gọi là ý thích không chán ngán của Bồ-tát đối với Bố thí Ba-la-mật-đa. 2) Ý thích rộng lớn, nghĩa là cho đến Bồ-đề mà hạnh bố thí không tạm thời ngừng lại... 3) Ý thích hoan hỷ, nghĩa là gặp được người tiếp nhận bố thí... 4) Ý thích ân đức, nghĩa là thấy người tiếp nhận bố thí đối với mình có ân bởi vì giúp cho mình thành tựu Bồ-đề. 5) Ý thích không nhiễm ô, nghĩa là tuy mang lại phước Đại thí cho hữu tình, mà không mong báo ân dị thực ở tương lai. 6) Ý thích tốt đẹp, nghĩa là quả của bố thí rộng lớn đều giúp cho hữu tình, lại dùng phước này cùng với các hữu tình hồi hướng Bồ-đề.” Nói đầy đủ như văn trong luận ấy.

*Văn này có bốn:* Một là trình bày về ý thích không chán ngán và ý thích rộng lớn, không có tài sản nói là nghèo khó, trống rỗng tất cả nói là khốn cùng. Hai từ “Bất dĩ cầu sách...” trở xuống là trình bày về ý thích hoan hỷ. Ba từ “Tác như thị niệm...” trở xuống là trình bày về ý thích ân đức, nghĩa là sinh ra phước của mình cho nên gọi là phước điền, khởi lên hạnh của mình cho nên gọi là thiện hữu, từ “Ngã kim...” trở xuống là kết luận báo đáp ân đức ấy. Bốn từ “Ngã ư tam thế...” trở xuống là trình bày về ý thích tốt đẹp, trong đó có ba: 1-Dùng hạnh thành tựu quả để cứu giúp chúng sinh; 2-Bố thí phước cho chúng sinh giúp cho thành Phật trước; 3-Sau đó mình tự đạt được, có thể biết.

Thứ ba là trình bày về lìa xa đắm trước ba Luân thành tựu Ba-la-mật, trong đó có hai: Đầu là quán xét hiểu rõ phá chấp, sau từ “Như thị quán thời...” trở xuống là quán thành tựu về tướng xả. Lại giải thích: Đầu là gồm chung lìa xa hai chấp, sau là riêng biệt phai mờ ba Luân.

Trong phần đầu, bảy câu trước trình bày lìa xa chấp về Người, trong đó Phước-già-la thì Trung Hoa nói là Số Thủ Thú, nghĩa là bởi vì luôn luôn dẫn đến các nẻo, xưa phiên ra tên gọi là Người. Theo Du-già quyển thứ 83: “Có tám tên gọi: 1) Ngã, đó là đối với năm Uẩn khởi lên Ngã-Ngã sở, bởi vì thấy hành hiện rõ trước mắt. 2) Hữu tình, đó là các Hiền Thánh biết rõ ràng đúng như thật, bởi vì chỉ có pháp này lại không có gì khác, lại cũng bởi vì có ái trước đối với pháp ấy. 3) Ý sinh, đó là bởi vì đây là tánh chủng loại của ý. 4) Ma-nạp-phước-ca, đó là bởi vì dựa vào ý hoặc cao hay thấp. 5) Dưỡng dục, đó là bởi vì có thể tăng trưởng về nghiệp của các cõi, bởi vì có thể làm tất cả công dụng của

sĩ phu. 6) Bỏ-đặc-già-la, đó là bởi vì có thể luôn luôn hướng về chọn lấy các nẻo, không có gì thỏa mãn. 7) Mạng, đó là bởi vì tuổi thọ hòa hợp hiện đang còn sống. 8) Sinh, đó là bởi vì có đủ tất cả các pháp như Sinh...”

Theo Đại Bát Nhã có 13 tên gọi, tám tên gọi giống như Du-già, lại thêm vào năm loại: 1) Tác giả; 2) Thọ giả; 3) Kiến giả; 4) Tri giả; 5) Sĩ phu. Trải qua tra tìm ba bản giải thích trong luận Bát Nhã.

Hai từ “Pháp giới...” trở xuống là bảy câu trình bày lia xa chấp về Pháp: 1) Đó là Chúng sinh giới trống rỗng cùng với pháp giới không có sai khác. 2) Thể trống rỗng không có giữ lấy cho nên nói là lia đục. 3) Tánh không có nhất định là thật. 4) Tướng không hề vốn có. 5) Không có thể tự tại. 6) Không phải là nơi có thể dựa vào. 7) Duyên thành tự lia xa tạo tác.

Hai là trong phần quán thành tự về tướng xả, có chín câu: Ba câu đầu là thấy ba sự Không, luận Trang Nghiêm nói: “Bố thí có ba chướng ngại, đó là tướng của mình-tướng của người khác-tướng của bố thí. Bố thí đắm vào ba tướng này là bố thí (đàn) thế gian chứ không phải là Ba-la-mật, bởi vì ở trong thế gian không thay đổi-không vượt ra; rời xa đắm trước ba tướng này gọi là xuất thế gian Ba-la-mật, bởi vì trong thế gian có thể thay đổi vượt ra.” Bốn là không thấy ruộng phước sinh ra. Năm là không thấy phước nghiệp đã sinh ra. Sáu là không thấy nhờ vào bố thí đạt được quả Dị thực. Bảy là không thấy đạt được quả Đẳng lưu. Tám là không thấy đạt được Đại quả của Phật địa. Chín là không thấy Tiểu quả đã đạt được ở trong Bồ-tát địa.

*Trong phần thứ hai là Pháp thí, có hai: Một- Nghĩ đến nỗi khổ của chúng sinh bị làm hại; hai- Khởi lên ý làm lợi ích.*

*Trong phần một, đó là quán xét chúng sinh ba đời: 1) Do vô minh mà che khuất; 2) Do bốn trú mà ràng buộc, đây là đầy đủ nhân của khổ; 3) Nhận chịu quả khổ vô cùng; 4) Trình bày về thiếu sự cứu giúp chính đáng, nghĩa là không có được ba pháp kiên cố của Phật.*

Từ “Ngã đương...” trở xuống là khởi lên ý làm lợi ích, trong đó: Một là tự mình tu theo nhân của Phật để cảm hóa người khác cùng luyện tập; hai là tự mình sẽ thành Phật giúp cho người khác cùng đạt được, làm cho thanh tịnh là đối với nhân của khổ trước đây, thuận theo diệt trừ là đối với quả khổ trước đây; ba là kết luận có thể biết.

*Trong phần thứ hai là làm lợi ích cũng đưa ra sáu môn:*

Một, Thể tánh có ba môn: 1) Tùy tướng môn, đó là ở trên tư duy giả lập về Vô biểu, cũng có ba sự: a) Tư duy; b) Vô biểu; c) Biểu nghiệp

của thân-ngũ, cho nên luận nói Bồ-tát giới lấy ba nghiệp thiện làm tánh. 2) Dựa theo căn bản cũng lấy chân như làm tánh, luận Khởi Tín nói: “Như Thế của pháp tánh thanh tịnh không cấu nhiễm, tùy thuận tu hạnh Trì giới Ba-la-mật.” 3) Dựa theo thật thì lấy pháp giới vô tận làm Thế v.v...

Hai- Chủng loại thì có mười loại sai biệt: 1) Theo kinh Phạm Võng... thì có ba Quy giới của Bồ-tát. 2) Theo kinh Thiện Sinh thì năm giới là giới của Bồ-tát tại gia. 3) Theo kinh Văn Thù Vấn thì tám giới gọi là giới của Bồ-tát thế gian. 4) Cũng theo kinh ấy thì mười giới, đó là ngay Sa-di đã thọ trì thì gọi là giới của Bồ-tát xuất gia. 5) Theo kinh Phương Đẳng thì hai mươi bốn giới cũng là Bồ-tát tại gia thọ trì. 6) Theo kinh Anh Lạc-Phạm Võng thì mười giới vô tận gồm chung Bồ-tát tại gia và xuất gia thọ trì. 7) Theo luận Du-già và Địa Trì thì bốn giới Ba-la-di, quán xét về giới tướng này phần nhiều tựa như là xuất gia đã thọ trì, mà cũng gồm chung tại gia. 8) Kinh Thiện Giới và kinh Trùng Lâu Giới... có tám Trọng giới, đó là trên bốn Trọng của Thanh văn thêm vào bốn Trọng trong Du-già, cho nên trở thành tám. Văn này giới hạn là Bồ-tát xuất gia thọ trì, bởi vì trước phải thọ trì năm giới-mười giới-cụ túc giới mới được thọ giới Bồ-tát, vốn là như lầu đài bốn tầng dần dần thành tựu... 9) Theo Lương Nhiếp Luận Giới Học nói: “Như kinh Tì Nại Da Cù Sa Tỳ Phật Lược nói: Bồ-tát giới có mười vạn loại sai biệt.” 10) Theo kinh Hoa Nghiêm có mười-mười đều là Vô tận giới phẩm, như phẩm Thập Tạng và phẩm Ly Thế Gian nói.

Ba- Thâu nhiếp công hạnh, theo luận Du-già: “Bảy chúng đã thọ trì Giải thoát giới là Luật nghi giới của Bồ-tát thâu nhiếp, sáu Độ-mười Địa... là Nhiếp thiện pháp giới thâu nhiếp, bốn Nhiếp-bốn Vô lượng... là Nhiều ích hữu tình giới thâu nhiếp.” Lại có nghĩa về thâu nhiếp, như trong Đối Pháp luận quyển thứ 12 nói.

Bốn- Đạt được quả cũng có ba: 1) Tùy theo phân vị đạt được quả, Nhiếp Luận gọi là Đại Sinh Nhiếp, vì vậy nói tức là do giới mà đạt được lợi ích thù thắng thuộc về nẻo thiện. 2) Do tư lương này sẽ đạt được quả báo thù thắng và tự tánh giới mà Địa thượng đã đạt được. 3) Đạt được quả Vô thượng Bồ-đề, đó là do Luật nghi giới mà đạt được quả Đoạn đức của Pháp thân, do Nhiếp thiện giới mà đạt được quả Trí đức của Báo thân, do Nhiều ích chúng sinh giới mà đạt được quả Ân đức của Hóa thân.

Năm- Bí mật, Bồ-tát cũng phá giới, như kinh Thương Chủ Thiên Tử nói: “Lại tiếp tục hỏi rằng: Như tôi suy nghĩ về Văn Thù đã nói, ông

giờ đây cũng là phá giới?

Đáp rằng: Tôi cũng phá giới.

Hỏi: Vì sao?

Đáp: Nếu người phá giới thì người ấy rơi vào ba đường ác, tôi cố ý tư duy rơi vào đường ác để thành tựu chúng sinh, vì nghĩa này cho nên nói tôi là phá giới.”

Sáu- Trong giải thích văn có ba, đó là nêu ra-giải thích và kết luận.

*Trong giải thích có hai:* Một là sơ lược phân rõ lìa xa lỗi lầm để trình bày về Thể của hạnh; hai từ “Bồ-tát như thị...” trở xuống là đối với duyên mở rộng hiển bày về Dụng của hạnh kiên cố.

*Trong phần một cũng có ba:* Trước là nêu ra hạnh trì giới thanh tịnh, nghĩa là tự mình trì giới thanh tịnh không nhiễm trước sáu trần; tiếp là nói về là người hóa độ thành tựu hai hạnh Tự lợi và Lợi tha; sau là hiển bày về hai ý, đầu là trình bày về đã lìa xa, sau từ “Đản kiên trì...” trở xuống là trình bày về những việc đã làm.

Trong những việc đã làm đều không vì cầu quả báo thù thắng ở thế gian này, thì làm vì điều gì? Làm vì có bốn loại: 1) Bởi vì lìa xa lỗi lầm tai họa lớn của sinh tử, phiền não... là nhân của khổ, đau buồn khổ khổ... là quả của khổ, khổ này là do Luật nghi giới mà lìa xa. 2) Dưới đối với chúng sinh không làm trái Bi nguyện cho nên nói là không phụ, nghĩa là xứng với hồng thệ vốn có mà cứu giúp thâu nhiếp, bởi vì điều này do Nhiêu ích chúng sinh giới mà thành tựu. 3) Trên thuận với ý của Phật vì thế khiến cho hoan hỷ, điều này là do Nhiếp thiện pháp giới mà thành tựu. Trên đây là nhân tròn vẹn. 4) Bởi vì làm cho đầy đủ quả Bồ-đề.

*Trong phần thứ hai là đối với duyên mở rộng hiển bày, có ba:* Một là trình bày về khó giữ mà có thể giữ, là Luật nghi giới; hai từ “Tác thị niệm chúng sinh trường dạ...” trở xuống là trình bày về khó cứu mà có thể cứu, là Nhiêu ích chúng sinh giới; ba từ “Ngã đương xả ly...” trở xuống là trình bày về khó làm mà có thể làm, tức là Nhiếp thiện pháp giới.

*Trong phần một có sáu:* 1) Không phải là cảnh ấy bức bách; 2) Từ “Nhĩ thời Bồ-tát...” trở xuống là thấy rõ ràng về lỗi lầm ấy; 3) Từ “Thị cố...” trở xuống là trình bày về tâm kiên cố giống như Phật; 4) Không trái với phương tiện mà trong tâm càng kiên cố; 5) Từ “Bất vi...” trở xuống là giải thích hiển bày về tướng kiên cố, trong đó trước là giải thích thuận chiều, từ “Ninh xả...” trở xuống là giải thích ngược lại; 6)



Từ “Tự kiến Phật...” trở xuống là nêu ra nhẹ để so sánh nặng, nghĩa là bắt đầu từ xưa mới phát tâm đến nay gọi là đã thấy Phật, trong thời gian ấy đến nay chưa từng khởi lên Tưởng, là nêu ra nhẹ; hướng hồ thuận theo sự việc là so sánh về nặng, nghĩa là Tưởng hãy còn không khởi lên hướng hồ có hình tướng sự việc. Sau cuối là trở lại kết luận về không có điều ấy.

*Trong phần hai là trình bày về Nhiếp sinh giới, có ba:* 1) Nghĩ đến chúng sinh vì ham muốn làm cho ràng buộc; 2) Từ “Ngã kim...” trở xuống là thành lập chí nguyện nêu lên những lợi ích đã làm; 3) Từ “Quán nhất thiết Phật...” trở xuống là dựa vào nêu lên thuận với lý dùng pháp chính thức làm lợi ích.

*Trong phần một có năm câu:* a) Chưa đạt được suy nghĩ mong cầu gọi là ức niệm; b) Bắt đầu thấy ràng buộc vậy nhiễm gọi là tham trước; c) Đạt được ý vị sâu xa gọi là ái lạc; d) Ở lâu không rời bỏ gọi là thường lưu; e) Về sau không chán ngán gọi là vĩnh viễn chìm đắm không có thể ra khỏi.

*Trong phần hai là nêu lên ý làm ích lợi, có hai:* Trước là nêu lên những việc làm, sau từ “Hà dĩ...” trở xuống là giải thích hiển bày về ý ấy.

*Trong phần trước có ba:* Một, thiết lập về giới thanh tịnh của Địa tiền; hai, khiến cho đạt được Địa thượng không lui sụt; ba, thành tựu quả Bồ-đề Niết-bàn.

*Trong phần sau là giải thích:* Trước là nêu ra ý của người khác có điều ác đối với mình đâu vội vàng? Sau giải thích đây là nghiệp của mình, nghĩa là khiến cho chúng sinh vững vàng đối với giới thanh tịnh cho đến Niết-bàn, là pháp vốn như vậy trong gia nghiệp của các Bồ-tát, vì vậy cần phải làm. Chư Phật ba đời trong thời gian đầu ở nhân vị cũng cùng thực hiện điều này, an lập người khác trong giới thanh tịnh cho đến Niết-bàn, vì vậy nói là lia xa những việc làm không đúng. Sau khi làm hại đã quá muộn mà không kịp thực hành, xưa nay không làm bởi vì mình không biết gì, nay mới bắt đầu làm hãy còn hối hận là chậm mà thôi.

*Trong phần ba là dựa vào nêu lên thuận với lợi ích cũng có ba:* a) Tổng quát trình bày về đạt được pháp bình đẳng pháp là nói đến loại trừ điên đảo; b) Từ “Bất ly chúng sinh...” trở xuống là phân rõ về tướng điên đảo loại trừ, tức là bình đẳng; c) Từ “Ngộ nhất thiết pháp...” trở xuống là trình bày về lợi ích của quán xét hiểu rõ.

*Trong phần b:* Một, chúng sinh là tánh duyên khởi dựa vào nơi

khác, điền đảo là tánh sở chấp do vọng tưởng, nghĩa là dựa vào tướng tự mà chấp làm thật, không lìa xa chúng sinh có điền đảo; dựa vào chấp mà tướng tự khởi lên, không lìa xa điền đảo có chúng sinh. Hai, điền đảo có thể khởi lên chúng sinh từ trong điền đảo không có chúng sinh, chúng sinh có thể khởi lên điền đảo từ trong chúng sinh không có điền đảo. Ba, điền đảo từ chúng sinh khởi lên mà không phải là chúng sinh, chúng sinh từ điền đảo mà có nhưng không phải là điền đảo. Bốn, ngay chúng sinh không phải là điền đảo, điền đảo không phải là bên trong, lìa xa chúng sinh không có điền đảo, điền đảo không phải là bên ngoài. Năm, chúng sinh cũng như vậy, dựa vào nhau-làm mất lẫn nhau đều không phải là bên trong-bên ngoài. Từ “Không vô sở hữu...” trở xuống là tướng tự tất cả các pháp còn lại, đều là hư vọng không thật.

*Trong phần c là lợi ích của quán xét:* Trước là lợi ích của tự mình nhận biết, sau từ “Vị độ...” trở xuống là lợi ích về hóa độ người khác. Trong đó có chín câu: 1) Khiến cho vượt qua Khổ; 2) Khiến cho thoát khỏi Tập; 3) Trao cho Giới học; 4) Trao cho Định học; 5) Trao cho Tuệ học; 6) Khiến cho lìa xa mê hoặc thô thiển; 7) Tập khí vi tế cũng không còn cho nên nói là thanh tịnh; 8) Khiến cho đạt được Niết-bàn; 9) Đạt được Bồ-đề.

*Trong phần thứ ba là Nhiếp thiện giới, có năm:* 1) Phát khởi tâm nguyện tu tập pháp thiện, bởi vì thuận với trên do đó làm cho Đức Phật hoan hỷ; 2) Đưa ra những sự việc hoan hỷ, thành tựu nhân của Phật, an trú trong quả Phật; 3) Thành tựu về quán xét hiểu rõ, nghĩa là hiểu rõ chúng sinh bình đẳng, hiểu rõ về pháp cũng trống rỗng; 4) Rời xa cấu nhiễm chướng ngại, trong đó lìa xa pháp ác là từ bỏ nghiệp chướng, còn lại là phiền não; 5) Thành tựu công đức thanh tịnh, câu đầu là nhân, từ “Tất đặc...” trở xuống là thành tựu quả; đầu đạt được Trí về Giáo, sau Không Tuệ là Trí về Chứng.

*Hạnh thứ ba là không sân hận,* tức là Nhẫn nhục Ba-la-mật, cũng đưa ra năm môn:

Một- Thể tánh, luận Du-già nói: “Nhẫn có ba loại: 1) Nhẫn nại nhận chịu oán hại, dùng Tuệ số tương ứng với thiện căn không sân làm Thể, duyên với chúng sinh làm cảnh; 2) An tâm nhẫn nại nhận chịu khổ đau, dùng Tuệ số tương ứng với Tinh tiến làm Thể, duyên với pháp làm cảnh; 3) Nhẫn nại tư duy về pháp hiểu rõ thù thắng, dùng hai số Định-Tuệ làm Thể, duyên với không có pháp làm cảnh, bởi vì Chánh trí tiến vào quán vốn là cảnh và trí giống như nhau.” Lại trong Thông Luận dùng bốn pháp làm Thể, đầu là không sân, tiếp là chịu khó, sau

là Tuệ và tư duy, vốn là ba nghiệp gồm chung trước đây. Lại trong luận Khởi Tín biết Thể của pháp tánh không sên lìa xa phiền não cho nên tùy thuận tu hạnh Nhẫn nhục Ba-la-mật.

Hai, Phương tiện tu Nhẫn là dựa theo Sơ Nhẫn, luận Trang Nghiêm nói: “Nhờ vào ba Tư-năm Tưởng thì có thể Nhẫn nại chịu đựng, ba Tư: 1) Nghĩ đến người khác chê bai mình là tự nghiệp của mình, nếu đáp trả thì lại tự mình tạo ra khổ chứ khổ không bởi vì người khác; 2) Nghĩ đến người ấy và mình cùng là hành khổ, bởi vì người ấy không hiểu biết từ khổ lại thêm khổ, nay mình có hiểu biết vì sao lại như vậy? 3) Nghĩ đến Thanh văn tự lợi ích cho mình hãy còn không làm khổ thêm cho người, Bồ tát làm lợi ích cho người lẽ nào có thể làm khổ thêm cho chúng sinh hay sao?

Năm Tưởng: 1) Tu tưởng về thân thích của mình, bởi vì tất cả chúng sinh từ xưa đến nay đều là thân thuộc; 2) Tu tưởng về pháp, bởi vì sự đánh mất không thể nào đạt được; 3) Tu tưởng về Vô thường, bởi vì tánh chúng sinh là tử, pháp hãy còn không nên giận, huống gì làm hại; 4) Tu tưởng về Khổ, bởi vì chúng sinh không lìa xa ba khổ, chỉ nên làm cho họ lìa xa chứ không nên thêm nữa; 5) Tu tưởng về thân nghiệp tiếp nhận, bởi vì bốn nguyện làm cho vui vẻ chứ không làm cho khổ sở.” Lại trong Trí Luận nói: “Nếu bị chê bai làm hại thì chỉ suy nghĩ về pháp đối trị chứ không nên nổi giận, như gặp phải gió mưa chỉ tìm cách che chắn chứ không nên nổi giận.” Rộng ra như Trí Luận có nhiều môn phân rõ.

Ba, Chủng loại: Hoặc là chỉ một, đó là Nhẫn độ. Hoặc là hai, Trí Luận nói một là Nhẫn chúng sinh, hai là Nhẫn pháp. Hoặc là ba, giống như trước. Hoặc là năm, đó là Tín Nhẫn... Hoặc là mười, như sau nói ở phẩm Thập Nhẫn và phẩm Ly Thế Gian.

Bốn, Bí mật, kinh Thương Chủ Thiên Tử nói: “Lại hỏi Văn Thù: Ông có tâm nóng giận ư? Đáp rằng: Đúng như vậy. Lại hỏi: Vì sao? Đáp: Lẽ nào tâm không giận? Hỏi: Là không yêu quý ư? Đáp: Đúng như vậy. Văn Thù nói: Tôi không có ý niệm yêu quý gì đối với phiền não và Nhị thừa, bởi vì nghĩa này cho nên tôi có tâm nóng giận.” Những môn còn lại như nói riêng biệt v.v...

Năm, Trong giải thích văn, trong giải thích: Một- Nêu ra hạnh để hiển bày ý; hai- Từ “Bồ-tát thành tựu...” trở xuống là đối duyên phân rõ về tướng.

*Trong phần một:* Đầu là một câu tổng quát để nêu lên, sau từ “Khiêm ti...” trở xuống là riêng biệt hiển bày. Trước là hiển bày về tự

hành, sau là khuyên dạy cho người.

*Trong phần trước:* Trước là dựa theo tánh của ba nghiệp có tướng của Nhẫn, nghĩa là tự mình khiêm nhường kính trọng người khác là tướng Nhẫn thuộc tâm, sắc mặt hòa nhã là tướng Nhẫn thuộc thân, lời nói nhẹ nhàng là tướng Nhẫn thuộc khẩu. Sau là dựa theo lìa xa ba độc hiện rõ thành tựu tướng Nhẫn: Một là dựa theo lìa sân, đó là không tự làm hại mình... Tự mình có điều khổ sở không có thể an tâm nhẫn chịu, tự đầy đọa làm hại mình..., trái với hạnh an tâm nhẫn nại khổ đau. Đối với oán thù không thêm, gọi là không làm hại người khác. Đây là nhẫn nại nhận chịu oán hại, cùng phân rõ về hai loại trước, cho nên nói là cả hai. Trí Luận có hai Nhẫn: “1) Đối với trái có thể Nhẫn; 2) Đối với thuận có thể Nhẫn.” Trên đây là Nhẫn với trái ngược. Hai là dựa theo lìa tham, đối với thuận có thể Nhẫn, đó là không vì danh lợi mà khởi lên kiêu mạn, tự cao ngạo đối với người khác và cả hai đều có thể biết. Ba là dựa theo lìa si, không nói đến mình là lìa xa kiêu mạn, không giả dối là người khác lìa xa nịnh bợ, cả hai lìa xa không đi cùng. Lại đối với điều mình đã làm không nói là đúng, đối với điều mình yêu quý không nói điều ấy là đúng, cả hai đều rời bỏ không nói cả hai là đúng. Đây là tướng Nhẫn nại tư duy về pháp. Lại giải thích: Dựa theo ba nghiệp, đầu là do sắc mặt hòa nhã cho nên không làm hại, tiếp là do khiêm tốn cho nên không cao ngạo, sau là do lời nói nhẹ nhàng cho nên không đúng.

Sau là khuyên dạy cho người cũng là hiển bày về ý, vì muốn khuyên dạy cho người đoạn ác thì trước phải tu tập về Nhẫn. Trong đó: Một là khuyên dạy lìa xa lỗi lầm; hai từ “Dĩ Đại Nhẫn...” trở xuống là thành tựu hành đối trị, nghĩa là đầy đủ ba Nhẫn đối trị ba độc..., cho nên nói là Đại Nhẫn.

Hai là đối với duyên phân rõ về tướng của hạnh Nhẫn, nghĩa là khó Nhẫn mà có thể Nhẫn. Trong đó có hai: Một là mở rộng nêu rõ về bồi nhọ làm hại, hai là đối với bồi nhọ có thể Nhẫn nhục.

*Trong phần một có bốn:* 1) Nhiều chúng sinh; 2) Nhiều mạng nhicc bồi nhọ; 3) Nhiều tổn thương có hại; 4) Trải qua nhiều kiếp. Đây là khó Nhẫn.

*Hai là an tâm có thể Nhẫn nhục, trong đó cũng có bốn:* 1) Nhẫn nại thấy rõ lỗi lầm của nóng giận; 2) Nhẫn nại suy nghĩ xưa để động viên nay; 3) Nhẫn nại về thân và khổ đều Không; 4) Nhẫn nại giống như Phật thâu nhiếp chúng sinh.

Trong phần một gặp phải khổ đau sinh tâm nóng giận, trở lại đưa ra không Nhẫn; sau làm sáng tỏ về lỗi lầm ấy có tám câu, bảy câu đầu

là lỗi lầm mất đi công hạnh của mình, trong đó: Một là lỗi lầm không tự điều phục tâm mình. Hai là lỗi lầm không giữ gìn thân-miệng. Hai loại này là sai lầm vì không có giới. Ba là trình bày về không có Tuệ, bởi vì nóng giận che mờ tâm cho nên không thấy lý của pháp, gọi là không rõ ràng. Bốn là bởi vì tâm nóng giận rối loạn khiến cho không vắng lặng, đây là chướng ngại đến phương tiện tu Định. Năm là chướng ngại về tu Chánh Định. Sáu là lỗi lầm do hành giả đối chử không phải là chân thật. Trên đây là sai lầm làm trở ngại đến pháp thiện. Bảy là lỗi lầm tăng thêm pháp ác, đó là bởi vì tự yêu quý thân mình, không chịu được sự xâm hại của người khác, cho nên dẫn đến nóng giận phiền muộn mà tăng thêm ác nghiệp.

Câu sau cuối trình bày về lỗi lầm mất đi lợi ích của người khác, làm sao có thể khiến cho hoan hỷ là trình bày về không có thiện bất đầu, mà lại có thể giải thoát là trình bày về không có lợi ích cuối cùng.

Trong phần hai là suy nghĩ xưa để tự động viên mình, nghĩa là tự suy nghĩ từ xưa kia bởi vì bảo vệ thân tâm này, khởi lên tranh cãi tạo ra nghiệp ác nhận chịu đau khổ vô cùng, nay nếu không Nhẫn nại thì lại chồng thêm khổ, nhiều kiếp không dừng được. Dùng điều này để tự động viên mình, khiến cho tâm hoan hỷ Nhẫn nại.

**Lại giải thích:** Bởi vì mình có thân tâm này là nhân của khổ, khiến cho người khác có thể có sự náo hại, nguồn gốc khổ là do mình, sao không tự trách mình? Vì vậy kinh Niết Bàn nói: “Bởi vì tay-đao gây cho đến thân mình cho nên có thể gọi là đánh, nay mình không nên nóng giận thô bạo đối với người khác, mà chính là thân mình tự chuốc lấy lỗi lầm này, ví như bởi vì có đích thì có mũi tên bắn trúng, mình cũng như vậy, bởi vì có thân thì có đánh.” Dùng điều này để tự động viên mình.

**Lại giải thích:** Mình ở xưa kia chưa từng không có thân tâm phạm ngu, hoặc là do ác nghiệp vào nơi địa ngục..., hãy còn trải qua vô lượng kiếp oan uổng nhận chịu khổ đau vô cùng, không có một điều gì lợi ích, hưởng gì nay nhận chịu nỗi khổ nhỏ bé này để thành tựu hạnh Đại Nhẫn của Bồ-tát hay sao? Dùng điều này để tự động viên mình, cho nên sinh tâm hoan hỷ.

Đối với Nhẫn ở môn trước để nói đến môn này là nặng, khuyến khích tâm không lui sụt, động viên tâm để tiến lên. Bởi vì thấy lợi ích này mà đối với sự bôi nhọ hoan hỷ nhận chịu, gọi là tâm hoan hỷ; điều phục tâm lìa xa nóng giận, thâm nhiếp không tạo ra điều ác, cho nên nói là điều phục thâm nhiếp.

*Sau là giải thích về ý điều phục thâm nhiếp:* Trước là nêu ra, sau là

giải thích. Bởi vì làm cho mình và người trú vào pháp Vô thượng, cho nên loại này cũng là an tâm Nhẫn nại nhận chịu khổ đau.

Trong phần ba là Nhẫn về thân và khổ đều Không, đối với hai môn trước nói là lại trải qua suy nghĩ. Kinh Tư Ích nói: “Các pháp diệt đi trong từng niệm, tánh ấy luôn luôn không tồn tại, trong đó không có mắng nhiếc làm nhục, cũng không có cung kính tôn trọng. Nếu cắt thân ra làm từng mảnh, tâm ấy luôn luôn không chuyển động, thì biết tâm không ở bên trong, lại cũng không ở bên ngoài thân, oán thù và dao gậy đều từ bốn Đại mà khởi lên, đối với đất-nước-gió-lửa chưa từng có thương tổn.”

Trong này, trước là Sinh Không, từ “Vô chân thật...” trở xuống là trình bày về Pháp Không, đây là Tự quán; từ “Chư Pháp Không...” trở xuống là trình bày về Lợi tha, còn muốn giảng giải về Không cho người khác, lẽ nào có thể tự mình mê muội không Nhẫn hay sao? Từ “Thị cố...” trở xuống là kết luận, có thể biết. Đây cũng là Nhẫn nại tư duy về pháp.

Trong phần bốn là Nhẫn nại giống như Phật thâm nhiếp chúng sinh: Trước có bảy câu về nghĩ đến nỗi khổ của chúng sinh, sau là một câu muốn cứu giúp che chở giống như Phật.

*Trong bảy câu trước:* 1) Thương xót chúng sinh có những điều ác; 2) Làm lợi ích giúp cho tu điều thiện; 3) Làm yên lòng với quả vui sướng ấy; 4) Không để cho đắm say vui sướng, cho nên nói là thâm nhiếp giữ lấy; 5) Mau chóng giúp cho đến Phật, cho nên nói là không rời bỏ, đây là giúp cho đến Địa tiền; 6) Khiến cho đạt được Địa thượng không lui sụt; 7) Khiến cho đạt được quả Bồ-đề cứu cánh.

Sau là trình bày về hạnh giống như Phật, nghĩa là chư Phật lúc ở nhân vị, tu tập thực hành pháp này, nay mình cũng giống như vậy đang làm lợi ích to lớn cho chúng sinh, lẽ nào không Nhẫn nại, mà lại làm não hại chúng sinh, cho nên nói là những công hạnh của Phật...

**Hạnh thứ tư là Vô tận**, tức là Tinh tiến Ba-la-mật, đưa ra bốn môn:

Một, Dùng hai pháp chịu khó-suy nghĩ làm Thế, theo luận Khởi Tín là biết pháp tánh...

Hai, Chủng loại, theo luận Du-già có ba loại Tinh tiến: “1) Bị giáp tinh tiến là bắt đầu tu; 2) Gia hạnh tinh tiến là tiếp tục tu; 3) Vô yếm túc tinh tiến là tu đến cuối cùng.” Dùng ba nghiệp thúc giục chịu khó làm tánh, dựa vào văn này và phẩm Ly Thế Gian ở sau, đều nói về mười loại Tinh tiến.

Ba- Bí mật, kinh Thương Chủ Thiên Tử nói: “Hỏi: Văn Thù, ông có lưỡi nhác ư? Đáp rằng: Có. Lại hỏi: Vì sao? Đáp: Đã lưỡi nhác thì không dùng thân-khẩu-ý phát khởi tu tập các hạnh, nay tôi như vậy, cũng không phát khởi thực hành, cũng không muốn thực hành, không rời bỏ-không giữ lấy. Bởi vì nghĩa này cho nên tôi gọi là lưỡi nhác.”

Bốn- Giải thích văn, trong giải thích có hai: Trước là nêu ra hạnh để hiển bày về ý, sau từ “Bồ-tát thành tựu như thị tinh tiến...” trở xuống là đối với duyên phân rõ về tướng. Lại cũng trước là Thể của hạnh ở phần vị ấy, sau là khó thực hành mà có thể thực hành, hạnh này sửa trị làm cho thanh tịnh.

*Trong phần trước có hai:* Trước là nêu ra hạnh, sau từ “Bồ-tát phục tác thị niệm...” trở xuống là hiển bày về ý.

*Trong phần trước có hai:* Một là Thể của hạnh, hai từ “Bỉ Bồ-tát...” trở xuống là trình bày về lìa xa lỗi lầm.

*Trong phần một:* Câu đầu là tổng quát, chín câu còn lại là riêng biệt.

*Trong riêng biệt:* 1) Vượt qua phàm phu gọi là Thắng; 2) Vượt qua Tiểu thừa gọi là Tối; 3) Tu tập thiện hạnh cao nhất gọi là Đệ nhất; 4) Hạnh giáo hóa người khác cao nhất gọi là Đại; 5) Hạnh lìa xa lỗi lầm cao nhất gọi là Diệu; 6) Trên có thể vượt qua dưới gọi là Thượng; 7) Dưới không có thể thêm vào gọi là Vô thượng; 8) Dưới không có thể sánh bằng gọi là Vô đẳng; 9) Vượt qua dưới giống như trên gọi là Vô đẳng đẳng.

Trong phần hai là hạnh lìa xa lỗi lầm, lìa xa phiền não Đại-Tiểu, tất cả có mười loại, như văn v.v... Trên đây là Bị giáp tinh tiến cũng gọi là Cần dũng tinh tiến.

*Trong phần sau là hiển bày về ý:* Đầu là không muốn nào hại chúng sinh là hiển bày về điều đã lìa xa; sau là chính thức hiển bày về việc đã làm.

*Trong này có 20 phân ba:* 3 câu đầu là đoạn trừ mê hoặc, 7 câu tiếp là nhận biết về giáo hóa thân nhiếp chúng sinh, 10 câu sau là nhận biết về lý của pháp.

*Trong phần đầu:* Câu đầu là chế phục lìa xa hiện hành, câu tiếp là chính thức làm hại chúng tử, câu sau là lìa xa tập khí còn sót lại.

*Trong phần tiếp là nhận biết về giáo hóa:* Một câu đầu là tổng quát, 6 câu còn lại là riêng biệt. Trong riêng biệt: Hai câu đầu là biết lỗi lầm của nhiễm ô, câu 1 là biết chuyển đổi quả báo của Khổ, câu 2 là biết nhân Tập của phiền não; bốn câu sau là biết căn khí tiếp nhận

pháp, câu 1 là vui thích nhiều môn, câu 2 là phạm vi giới hạn sai biệt, câu 3 là căn có lợi-độn, câu 4 là tâm đã suy nghĩ khác nhau.

*Trong phần sau là nhận biết về pháp:* Câu đầu là tổng quát, 9 câu còn lại là riêng biệt. Trong riêng biệt: Bốn câu đầu là biết về lý của pháp Phật, câu 1 là biết Như Lai Tạng có đủ hằng sa công đức thuộc Thật tánh Bất Không, câu 2 là biết Như Lai Tạng ở trong nhiễm ô mà tướng ấy bình đẳng, câu 3 là dựa theo nhân vị trước sau ba đời không khác nhau, câu 4 là ở phần vị của quả thanh tịnh cũng bình đẳng vô sinh. Lại ba câu này cũng là ba loại Phật tánh: Đầu là dựa theo tự tánh an trú, tiếp là dựa theo dẫn dắt phát ra, sau là đến đạt được quả. Lại đầu là tự tánh Vô sinh trong Địa Luận, tiếp là thuộc số sai biệt về Vô sinh, sau là Phật quả tác nghiệp Vô sinh. Hai câu tiếp là chứng về pháp của quả, câu 1 là nêu ra, câu 2 là giải thích, nghĩa là dùng một môn trí khéo léo mở rộng thâm nhiếp về pháp của quả Phật. Hai câu tiếp là muốn biết về pháp thuộc Đại Dụng của quả Phật, câu 1 là biết về đức thần thông vô tận của Phật, câu 2 là biết về đức trí tuệ quyền-thật của Phật, phương tiện là quyền. Một câu sau cuối là biết về giải pháp của Phật. Lại cũng có thể: Bốn câu đầu dựa theo Gia Hạnh, hai câu tiếp dựa theo Chánh Thể, ba câu sau dựa theo Hậu Đắc. Lại trong 20 câu này, 3 câu đầu dựa theo Tự lợi, 17 câu sau dựa theo Lợi tha.

Trong Lợi tha, 7 câu đầu biết về căn khí đã giáo hóa, 9 câu tiếp biết về thuốc pháp để giáo hóa, 1 câu sau là chính thức dùng pháp trao cho căn cơ, có thể biết.

Thứ hai là đối với duyên khó thực hành hiển bày về hạnh kiên cố, trong đó có hai: Một là tạm thời nêu ra khổ sâu nặng để chủ yếu hỏi hiển bày về hạnh, trước là hai câu hỏi, sau là hai câu giải đáp; hai là tạm thời dùng trần hải để kể ra điều cần phải hiển bày, cũng trước là hỏi, sau là giải đáp. Trong giải đáp có hai: Đầu là khiến cho người khác tránh khỏi nỗi khổ vì lợi, sau là lợi ích về thành tựu quả của mình và người. Trên đây cũng là Tinh tiến khó hủy hoại trong Nhiếp Luận, Tinh tiến không thỏa mãn trong luận Du-già.

*Hạnh thứ năm là lìa si loạn*, tức là Thiên Ba-la-mật, cũng đưa ra bốn môn:

Một, Dùng Định trong biệt cảnh làm Thể, luận Khởi Tín là nhận biết pháp tánh...

Hai, Chủng loại, theo Du-già cũng có ba loại: Một là Hiện pháp lạc trú tính lự, đó là tám Định...; hai là Nhiều ích hữu tình tính lự, đó là dựa vào đây khởi lên bốn Nhiếp, thâm nhiếp hữu tình...; ba là Dẫn thần



thông công đức tĩnh lự, đó là có thể dẫn khởi 18 thần biến... Lại ở văn sau có 10 loại để hiển bày về Vô tận.

Ba, Bí mật, trong kinh Thượng Chủ Thiên Tử: “Văn Thù nói: Tôi có tâm tán loạn, nguyên cố thế nào? Bởi vì tâm tán loạn không có trú xứ, tâm tôi ở trong Thánh đạt được giải thoát, thành tựu tất cả chúng sinh, cho nên không có trú xứ. Bởi vì nghĩa này cho nên nói là tâm tôi tán loạn.”

Bốn, Giải thích văn, trong giải thích nhờ vào tu quán lìa xa tập khí ngu si, chấm dứt tán loạn. Lương Nhiếp Luận nói: “Các Bồ-tát ở trong các phần vị thường tu hai hạnh, một là không điên đảo, hai là không tán loạn, chính là hạnh này.”

*Trong văn có ba:* Một là Hiện pháp lạc trú thiên; hai từ “Bồ-tát thành tựu tịch tĩnh...” trở xuống là dẫn dắt sinh ra công đức thiên; ba từ “Bồ-tát văn thử...” trở xuống là lợi ích chúng sinh thiên.

*Trong phần một có hai:* Trước là tổng quát, sau là riêng biệt.

*Trong phần trước có 11 câu:* Hai câu đầu là nêu ra hai Chương, đó là câu đầu nêu ra lìa xa tán loạn, câu sau nêu ra lìa xa ngu si. Tám câu tiếp là trải qua pháp gồm chung phân rõ, thuận theo nhau làm bốn: Đầu là một câu dựa theo pháp đã thọ trì, tiếp là hai câu dựa theo lưu chuyển mà thọ thân. Đây là Bi nguyện giữ lại phiền não để thọ thân cho nên không ngu si tán loạn, sau trong Địa thứ sáu nói chết có hai loại tác nghiệp, một là bởi vì không biết, do đó khiến cho Sinh sau nối tiếp nhau, là dựa theo phàm phu mà nói. Lại trong kinh Đại Tập nói: “Phàm phu thọ thai, nam đối với mẹ sinh ra ái, nữ đối với cha sinh ra ái, vì thế cho nên tiến vào thai mà ngu si tán loạn. Lại ở trong thai thì tình thức rõ ràng, lúc ra vì bức ép khốn khổ mà liền mê mờ tán loạn, Bồ-tát khác với chúng sinh, tiến vào-sinh ra đều không có gì ngu si tán loạn...” Lại luận Du-già quyển thứ 2 nói: “Bốn loại tiến vào thai: 1) Đích thực nhận biết tiến vào mà không đích thực nhận biết an trú và sinh ra, đó là Luân Vương; 2) Đích thực nhận biết tiến vào và an trú mà không đích thực nhận biết sinh ra, đó là Độc giác; 3) Điều có thể đích thực nhận biết, đó là Bồ-tát; 4) Điều không đích thực nhận biết, đó là những hữu tình khác.” Tiếp là ba câu dựa theo tu đạo mà khởi hạnh, có thể biết; sau cuối là hai câu dựa theo tỉnh giác lìa xa ma sự, bởi vì lúc tu Chỉ-Quán phần nhiều bị tà ma quỷ mỹ... làm não loạn, cho nên phân rõ về điều này, như trong số Khởi Tín v.v... Một câu cuối là kết luận về nhiều kiếp tu.

*Trong phần sau là riêng biệt phân rõ, có hai:* Trước là trình bày về lìa xa ngu si, sau là trình bày về lìa xa tán loạn.

*Trong phần trước:* Đầu là nhắc lại phần trước; từ “U vô...” trở xuống là hiển bày phần sau, trong đó một là do lìa xa ngu si tăm tối mà nghe pháp không quên, hai từ “Hà dĩ...” trở xuống là giải thích về thành tựu.

*Trong phần một có ba:* 1) Tổng quát; 2) Từ “Sở vị...” trở xuống là riêng biệt; 3) Từ “Bồ-tát văn thử...” trở xuống là kết luận.

*Trong riêng biệt có 17 câu về pháp:* 1) Thể sâu; 2) Tướng diệu, hai câu này là pháp thuộc Lý; 3) Đủ đức; 4) Nhiều đức, hai câu này là pháp thuộc Hành. 5) Pháp thuộc Giáo; 6) Pháp thuộc Nhân; 7) Pháp thuộc Quả; 8) Pháp thuộc Dục nguyện. 9) Ở thế gian lìa xa pháp nhiễm, 10) Khéo léo phân biệt đối với pháp thế gian, hai câu này là pháp thuộc Trí. 11) Đã nhận biết rộng rãi gọi là pháp rộng, 12) Đã nhận biết nhiều môn gọi là Vô lượng, 13) Phân tích rõ ràng về pháp, 14) Chân gồm chung gọi là Cọng, 15) Tục riêng biệt là Bất cọng, 16) Nhân vị đã biết là pháp có hạn lượng, 17) Quả vị đã biết là pháp không có phạm vi giới hạn.

Sau là kết luận, do lìa xa ngu si tăm tối cho nên tuy nghe nhiều pháp trải qua thời gian dài mà không quên.

Trong phần hai là giải thích, trước là nêu ra, sau là giải thích, có bốn câu: 1) Không làm trở ngại Định của người khác; 2) Thường bảo vệ Chánh pháp; 3) Không ngừng tu thiện; 4) Thường thực hành trí tuệ cho nên không quên.

Hai là trong giải thích về không tán loạn, có hai: Đầu là nghe nhiều tiếng, bởi vì không có chướng ngại của đời trước, cho nên không tán loạn; sau từ “Như thị đẳng...” trở xuống là nghe nhiều tiếng lớn, bởi vì khéo léo quán sát cho nên không tán loạn.

*Trong phần đầu có ba:* Trước là nghe sáu tiếng; tiếp là trình bày về 12 pháp không tán loạn; sau là không có bốn chướng.

*Trong giải thích về 12 pháp:* Đầu là tám pháp về Tự hành không tán loạn, sau là bốn pháp về Lợi tha không tán loạn.

*Trong phần đầu:* 1) Biết Thể của tiếng là Không cho nên ý niệm không tán loạn, nhưng Bồ-tát đối với cảnh của sáu trần đều có thể không tán loạn, bởi vì tiếng cao to là mạnh hơn trong sự tác động tán loạn, cho nên cố ý nêu ra; 2) Chánh Định không bỏ dỡ; 3) Sở duyên không sai lầm; 4) Tiến vào lý không sai lầm; 5) Thường thực hành Bồ thí...; 6) Không quên mất tâm ban đầu, đó là huân tập hạnh nguyện Bồ-đề; 7) Nghĩ đến Định của Phật; 8) Chứng được lý chân thật.

*Sau là trình bày về Lợi tha:* 1) Sắp khởi lên trí giáo hóa; 2) Chính thức thành tựu sự giáo hóa; 3) Do giáo hóa mà thành tựu lợi ích; 4) Quán

xét sự giáo hóa là Không, tuy nghe tiếng ấy mà không bỏ dở những việc này, thường thực hành những gì vốn có, cho nên nói là không tán loạn.

Sau là trong phần giải thích về nguyên cơ thành tựu, bởi vì không có bốn chướng, đó là hai câu trước không gây ra hai chướng của nghiệp-phiền não, hai câu sau là cung kính đối với người-tôn trọng đối với pháp, cho nên đạt được như vậy.

Trong phần sau là nghe nhiều tiếng lớn mà không tán loạn, có hai: Một là tổng quát trình bày về nghe nhiều tiếng lớn không có thể tán loạn. Hai là giải thích về nguyên cơ không tán loạn, có ba: 1) Quán xét phương tiện tìm tòi suy nghĩ, trước là quán xét tướng của tiếng sinh diệt không ngừng, tiếp là quán xét tánh ấy cũng không thể có được, sau là quán xét duyên chủ động nghe hội tụ là nghe cũng không có người nghe; 2) Từ “Văn hảo ác...” trở xuống là trình bày về quán xét là nhiệm đúng như thật; 3) Từ “Tri nhất thiết...” trở xuống là trình bày về quán xét pháp tánh chính thức chứng được. Trong đó, trước là trình bày về tướng không còn và pháp tánh...; sau là trình bày về tánh, hiển bày tiếng này không phải cứ như không có thể làm tán loạn hủy hoại chánh niệm của Bồ-tát, mà chính là làm cảnh tiến vào pháp tánh cho Bồ-tát, lại trở thành duyên tăng thêm đạo nghiệp chứ không phải là cảnh làm tâm tán loạn. Trong kinh Như Huyền Tam Muội nói: “Giả sử dùng mặt đất làm trống, núi Tu-di làm dùi trống, ở bên tai Tu-bồ-đề đánh trống một kiếp, cũng không có thể khiến cho tâm tán loạn dù chỉ là một niệm bé nhỏ. Vì sao như vậy? Bởi vì tiến vào Không Định.”

Trong phần hai là dẫn dắt sinh ra công đức, dẫn dắt thành tựu sáu loại công đức dần dần tăng thêm: 1) Trình bày là xa tán loạn đạt được Định; 2) Là xa ngu si dẫn đến Trí; 3) Định tăng lên thâm nhiếp bạn; 4) Trí tăng thêm Bi; 5) Định tròn vẹn không gián đoạn; 6) Trí đầy đủ hướng về quả.

*Trong phần ba là Định làm lợi ích cho chúng sinh, có ba: 1) Lợi ích khiến cho là xa tán loạn; 2) Từ “Ưu nhất thiết...” trở xuống là lợi ích khiến cho là xa ngu si, đây là giúp cho thành tựu nhân; 3) Từ “Cứu cánh...” trở xuống là lợi ích khiến cho đạt được quả.*

**Hạnh thứ sáu là Thiện hiện**, tức là Bát-nhã Ba-la-mật:

Một, Dùng pháp thuộc Tuệ trong biệt cảnh làm tánh.

Hai, Chứng loại, luận Duy Thức nói có ba: “Một là Tuệ về Sinh Không, hai là Tuệ về Pháp Không, ba là Tuệ về Câu Không.” Luận Du-già cũng có ba: “Gia Hạnh, Chánh Thể, Hậu Đắc.” Lại có bốn Tuệ: Một là Năng chứng trí, hai là Hậu đắc trí, ba là Lợi tha trí, bốn là Câu

sinh tuệ. Văn sau có mười Tuệ để hiển bày về Vô tận, như văn ấy nên biết. Lại Trí Luận nói: “Nếu không có Bát-nhã thì năm Độ như mù, là dùng mắt Tuệ dẫn dắt cho những Độ khác khiến cho có thể thành tựu Ba-la-mật.”

Ba, Bí mật, kinh Thương Chủ Thiên Tử nói: “Văn Thù nói: Tôi là không có trí, vì sao như vậy? Bởi vì không có trí tuệ thì không sợ hãi sinh tử, không mong cầu Niết-bàn, cùng với chúng sinh mê hoặc, vui chơi chung một nơi; tôi cũng ở trong sinh tử Niết-bàn, không sợ hãi-không mong cầu, cùng với chúng sinh mê hoặc, an trú chung một nơi, vui chơi cùng với họ để mà thành tựu, cho nên nói là tôi không có trí tuệ.”

Bốn, Trong giải thích văn có ba: Một là nhắc lại phần trước sinh khởi phần sau; hai từ “Vô sở y...” trở xuống là chính thức trình bày về tướng của hạnh; ba từ “Thị Bồ-tát trú thứ...” trở xuống là làm sáng tỏ về tác dụng lợi ích của hạnh.

*Trong phần một có bốn câu:* Hai câu đầu hợp lại nêu ra, nghĩa là Thể của ba nghiệp trống rỗng không hề có gì, Dụng của ba nghiệp trống rỗng không có gì để nêu ra rõ ràng; hai câu sau là tách ra giải thích, nghĩa là tách ra nhiệm-tịnh, nhiệm trống rỗng không có ràng buộc, tịnh trống rỗng không có giải thoát, giải thích về Thể trống rỗng trước đây, câu sau tách ra giải thích về Dụng trống rỗng. Bởi vì Thể-Dụng nhiệm-tịnh này đều Không, cho nên gọi là nghiệp thân-khẩu-ý rỗng lặng. Muốn dựa vào đây khởi lên quán xét chiếu rọi đạt được lý sâu xa, cho nên trước phải nhắc lại để nêu ra.

*Trong phần hai là hiển bày về hạnh, có bốn:* 1) Trình bày về trí thuộc Gia Hạnh, suy ra tướng tiến vào Thật quán; 2) Từ “Bất sinh bất diệt...” trở xuống là trình bày về trí thuộc Chánh Thể, tướng không còn chứng được Thật quán; 3) Từ “Bồ-tát tác như thị niệm...” trở xuống là trình bày về trí thuộc Hậu Đắc, dựa vào Thật khởi lên quán về tướng Thật vô ngại; 4) Dùng Đại Bi tùy theo quán về tướng thâm nhiếp giáo hóa, bởi vì tướng này tức là Thật, cho nên chỉ có tướng cũng không có gì sai lầm.

*Trong phần một:* Đầu là ba câu trình bày về quán Duy thức Vô tướng, nghĩa là quán về tướng Không đã chọn lấy, bắt đầu không có chỗ dựa, cuối cùng không có chỗ trú, vì sao biết cảnh Không không có chỗ dựa-chỗ trú? Bởi vì tùy theo tâm mà trú, đây là trình bày chính thức trú vào Duy thức quán, đây tức là dựa vào Thức loại trừ cảnh vọng. Luận Biện Trung Biên nói: “Dựa vào Thức có Cảnh đã đạt được, không có Sinh đã đạt được.” Cự Luận nói: “Bởi vì dựa vào Duy thức cho nên

nghĩa về cảnh không có Thể thành tựu.” Là nói đến nghĩa này. Tiếp là trình bày về quán Thức thể vô sinh, Vô lượng tâm... là quán về tâm tánh chủ động chọn lấy cùng với tất cả pháp tánh đã chọn lấy, giống như không có tánh tướng..., hãy còn như nhau, đây là dựa vào không có Trần để loại trừ Thức. Luận Biện Trung Biên nói: “Dựa vào Cảnh không có Thức đã đạt được, không có Sinh đã đạt được.” Cựu Luận nói: “Bởi vì Trần không có cho nên Thức vốn có đã không sinh.” Là nói đến nghĩa này. Thị hiện Tướng của Vô tướng tức là Không đã chọn lấy trước đây, nghĩa là bởi vì Tướng của Vô tướng hiện rõ trước mắt. Sâu thăm không có đáy tức là chủ động chọn lấy Thức Không, bởi vì Thức Không làm gốc, Thức hết cho nên không có đáy. Như Như tánh là một cặp tức là hai Không, nghĩa là Tâm Như-Cảnh Như, cùng một chân tánh, tuy ở trong Như mà không có Tướng có thể khởi lên gọi là lìa xa nghiệp báo. Như vậy bởi vì Gia hạnh có thể khởi lên chính thức chứng được, cho nên nói là phương tiện khéo léo ra khỏi Sinh-lìa xa Sinh. Lìa xa Sinh tức là phần vị của Chứng, đó là tổng quát kết luận về Gia hạnh trước đây có công năng khởi lên Chứng.

Từ đây trở xuống là phần hai trình bày về chính thức Chứng trí, nghĩa là lý của Cảnh-Trí như nhau, không vì sinh diệt mà chuyển biến cho nên nói là không sinh diệt, phai mờ giống như chân lý cho nên nói là Niết-bàn.... Đây là trình bày về không có, không có tức là không không có cho nên nói không phải có mà nói là có. Có và không có đều bất dứt nói năng, dựa vào không có khởi lên cho nên nói là đoạn dứt lộ trình của ngôn ngữ (ngôn ngữ đạo đoạn). Chọn lấy Chứng khác nhau để so sánh, nghĩa là trí thế gian chỗ dựa-chỗ trú, trong này không có nương tựa cho nên nói là lìa xa tất cả...

Từ đây trở xuống là hiển bày về lợi ích của Chứng, có năm câu:

- 1) Lợi ích tăng thêm thiện, đó là nhờ vào Chứng Chân mà làm cho pháp thiện đã phát khởi trước đây tăng trưởng rất nhiều, cho nên nói là trưởng dưỡng... Lại trí Vô lậu khởi lên trong sát-na đầu, bởi vì tiếp tục được xông ướp thành tựu mà làm cho trí ấy tăng thêm.
- 2) Trình bày về lợi ích của đoạn trừ chướng, nghĩa là thuận theo Chứng gọi là tiến vào, rồi bỏ Vọng gọi là lìa xa, đoạn trừ chủng tử chướng ngại của phiền não gọi là không có ràng buộc, làm hại chủng tử chướng ngại của sở tri gọi là không có vướng mắc.
- 3) Lợi ích của Chứng Chân, nghĩa là chứng được chân lý mà xưa kia chưa chứng.
- 4) Lợi ích vượt lên trên phần vị, nghĩa là vượt qua thế gian.
- 5) Lợi ích về khởi lên trí, nghĩa là do chứng được lý này mà có thể khởi lên trí Hậu Đắc phân biệt về pháp thế gian.

*Trong phần ba trình bày về Hậu đắc trí, có hai:* Một là trình bày về dùng Lý hiểu Sự làm phương tiện suy nghĩ tìm cầu; hai từ “Bồ-tát giải như thi...” trở xuống là trình bày về Lý-Sự vô ngại làm sáng tỏ hiểu biết đúng đắn như thật. Trước là tổng quát, sau là riêng biệt. Trong riêng biệt có tám câu: 1) Hiểu về thế gian vắng lặng, biết Vọng là Thể Không; 2) Hiểu về pháp sâu xa của Phật, biết Chân là lia tướng; 3) Nhiễm và tịnh cùng dung hòa vốn như nhau không có gì sai khác; 4) Ngay nơi nhiễm luôn luôn tịnh, pháp thế gian hòa vào Phật pháp; 5) Không nhiễm mà nhiễm, Phật pháp hòa vào pháp thế gian; 6) Môn nhiễm tịnh sai khác vốn không tạp loạn, nghĩa là toàn Thể ngay nơi tịnh mà vẫn có thể nhiễm, toàn Thể là nhiễm mà vẫn có thể tịnh, đó gọi là nhiễm-tịnh không hai mà hai; 7) Giải thích về nghĩa không xen tạp, bởi vì pháp thế gian hư giả cho nên không cần hủy hoại-không ngại tồn tại, bởi vì không cần hủy hoại cho nên chưa hề không phải là Phật pháp, bởi vì không ngại tồn tại cho nên chưa hề xen tạp với Phật pháp, cho nên nói là pháp thế gian không hủy hoại; 8) Bởi vì Phật pháp chân thật cho nên không thể phá hủy-không ngại thuận theo, không ngại thuận theo cho nên chưa hề không phải là pháp thế gian, không thể phá hủy cho nên chưa hề xen tạp với pháp thế gian, cho nên nói là Phật pháp chân thật...

**Lại giải thích:** Phật pháp tuy hòa vào thế gian mà không bị pháp thế gian làm cho hủy hoại. Nguyên cơ thế nào? Bởi vì pháp giới chân thật không thể nào hủy hoại.

Hỏi: Nếu như vậy thì vì sao không nói là pháp thế gian hòa vào Phật pháp, pháp thế gian cũng không hủy hoại?

Đáp: Bởi vì pháp thế gian hòa vào Phật pháp thì có thể có hủy hoại không còn, cho nên không luận đến. Bởi vì chân-vọng không giống nhau, cho nên như vậy. Sở dĩ chà đạp nhiễm-tịnh như vậy, là muốn thường xuyên nhiếp hóa ở thế gian mà luôn luôn trú trong Niết-bàn. Sau Đại Bi thâm nhiếp chúng sinh mà không trái với lý quán chính là pháp này.

*Trong phần bốn là Đại Bi quán, có năm:* Một là an trú ba đời... trình bày về dựa vào Lý khởi Bi; hai là xây dựng chí nguyện thâm nhiếp chúng sinh; ba là vì mình mà thương xót chúng sinh; bốn là tự nhắc nhở mình không rời bỏ; năm là đối với duyên đích thực cứu giúp.

*Trong phần hai có năm câu:* 1) Mình không thành tựu chúng sinh thì ai thành tựu giáo hóa khiến cho thành tựu pháp thiện; 2) Điều phục lia xa nghiệp ác; 3) Phiền não diệt hết không còn; 4) Vui mừng đạt được

nhân thành tựu; 5) Thanh tịnh đạt được quả đầy đủ.

Trong phần ba vì mình mà thương xót chúng sinh, là một câu hiển bày về chính mình đã hiểu. Sau là đích thực thương xót chúng sinh đau khổ, có hai: 1) Trình bày về có đủ các nỗi khổ sâu nặng; 2) Từ “Bất ly tam chương...” trở xuống là không có niềm vui giải thoát.

Trong phần một là pháp-dụ-hợp. Trong pháp thấy chúng sinh nhận chịu đau khổ là đang đau khổ, hướng về nẻo đường nguy hiểm là sẽ đau khổ, đây là quả của khổ; phiền não ràng buộc là nhân của khổ. Trong hợp-pháp, ân ái ràng buộc là nhân của khổ, ở trong sinh tử... là quả của khổ, đây là nghĩa về bốn nẻo ác v.v... Diêm-la vương ấy theo các Thánh giáo nói có năm loại: Một là thuộc về nẻo Địa ngục, như luận Du-già quyển thứ hai nói; hai là thuộc về nẻo quỷ, như Du-già Bồ-tát Địa nói, lại có kinh văn nhưng chưa thấy; ba là không phải thuộc về hai nẻo, như văn kinh này vốn có riêng nẻo của Diêm-la vương; bốn là biến hóa làm Diêm-la, như kinh Quán Phật Tam Muội quyển thứ 5 nói và luận Nhị Thập Duy Thức... nói; năm là Bồ-tát hóa làm Diêm-la, như luận Du-già quyển thứ 58 nói: “Viêm ma gọi là Pháp Vương, là làm lợi ích hay là làm tổn hại, nên nói là chỉ làm lợi ích.” Vì vậy biết là Bồ-tát. Lại trong kinh Chánh Pháp Niệm nói: “Diêm-la vương vì người tội nói kệ rằng: Ông được thân người không tu đạo, như đến kho báu về tay không, nay ông tự làm thì tự chịu, kêu gào đau khổ mong được gì?”

Hỏi: Vua này là đoạn chúng sinh Trung hữu, hay là đoạn chúng sinh Bản hữu?

Đáp: Đoạn chúng sinh Bản hữu, bởi vì Trung hữu không ở trong địa ngục.

*Trong phần hai là không có niềm vui giải thoát:* Đầu là trình bày về có chương ngại, nghĩa là không lìa xa phiền não-nghiệp-khổ là ba chương; sau là trình bày về không có giải thoát, văn có ba cặp: Một, Không có nhân của giải thoát, ngu si tăm tối là có chương ngại, không thấy chân thật rõ ràng là không có sửa trị; Hai, Không có quả của giải thoát, sinh tử không cùng tận là có chương ngại, không được giải thoát cũng là không có sửa trị; Ba, Thành tựu hai cặp trước, đó là trước trình bày về có chương ngại, không thấy Chánh đạo là trình bày về không có sửa trị.

Trong phần bốn là tự nhắc nhở mình, chúng sinh có nỗi khổ sâu nặng này, nếu không giáo hóa họ trước mà tự mình thành tựu trước thì không hợp với đạo lý.

Trong phần năm là đích thực thâm nhiếp chúng sinh có ba câu,

đó là thành tựu pháp thiện, điều phục pháp ác, hóa độ khiến cho giải thoát.

Đoạn lớn thứ ba là lợi ích của hạnh, bởi vì hạnh Bát-nhã này hơn hẳn những hạnh khác, vì thế cho nên sau các hạnh trước đây đều không có lợi ích này, như vẫn có thể biết.

**Hạnh thứ bảy là Vô trước**, dùng tâm Vô trú quy tụ các thiện căn, lại dùng Bi-Trí dẫn dắt nhau khéo léo không có gì đắm theo vướng mắc. Hạnh là Vô trước, Vô trước là Hạnh, là Phương tiện độ, dùng Bi-Trí hậu đắc làm Thể.

*Chứng loại có hai, luận Duy Thức nói:* “1) Phương tiện hồi hướng, 2) Phương tiện cứu giúp.” Văn sau có mười loại, có thể biết.

*Trong giải thích có ba:* Một-Tu hạnh Vô trước trong hạnh thuộc Tự phần; hai-Từ “Bồ-tát ư chư Phật quốc...” trở xuống là tu trong hạnh Thắng tiến; ba-Từ “Ư nhất niệm...” trở xuống là trình bày về tu trong hạnh thành tựu đầy đủ.

*Trong phần một có hai:* 1) Trình bày về hạnh Đại Trí làm sáng tỏ Tự lợi Vô trước; 2) Từ “Bồ-tát như thị quán chân...” trở xuống là trình bày về hạnh Đại Bi hiển bày Lợi tha Vô trước.

*Trong phần một có ba:* a) Thấy tịnh không nhiễm; b) Thấy đơ không chê; c) Cùng giải thích hai mục trước.

*Trong mục a có hai:* Trước là riêng biệt giải thích, sau từ “Thử Bồ-tát...” trở xuống là nhắc lại để kết luận.

*Trong phần trước có 14 câu:* Một, Bốn câu về hạnh thành tựu Tịnh độ, ở trong niệm niệm là tu không gián đoạn. Trong đó, một là quán về quốc độ trang nghiêm không đắm trước; Hai là đến cúng dường Phật không đắm trước; Ba là tu tập thành tựu khéo léo không đắm trước, nghĩa là không có gì đã thực hành thì không đắm trước; Bốn là nghiệp đã thành không đắm trước, nói Tư là Thể của nghiệp phai mờ mà tiến vào chân thật, gọi là không trú vào pháp tư duy thì không đắm trước. Hai, Từ “Ư niệm niệm...” trở xuống là mười câu trình bày về hạnh của Pháp thân, trong đó: Ba câu đầu là thấy Phật Bảo không đắm trước. Hai câu tiếp là đối với Pháp Bảo không đắm trước, một câu đầu là nơi nghe pháp, một câu sau là chính thức nghe pháp. Ba câu tiếp là đối với Tăng Bảo không đắm trước, câu một là thấy trú xứ của Tăng, câu hai là thấy Thanh văn Tăng, câu ba là thấy Bồ-tát Tăng. Tám câu trên là đối với cảnh Tam Bảo mà tu hạnh Vô trước. Hai câu sau cuối là đối với chính mình thực hành tu hạnh Vô trước, một là tu ở trong hạnh nhiếp pháp, hai là tu thành tựu trong tu về Chánh hạnh.



*Trong phần sau là nhắc lại để kết luận, có hai:* Một- Nhắc lại hạnh Tịnh độ trước đây; hai- Từ “Kiến Phật...” trở xuống là nhắc lại hạnh Pháp thân trước đây.

Sau là kết luận đã thành tựu trang nghiêm, nghĩa là dùng những pháp này để trang nghiêm Tịnh độ ấy.

Kết luận riêng biệt thành tựu tổng quát hiển bày ở câu một.

Hai là ở trong nhiệm mà không đấm trước chỉ có một câu, là bởi vì pháp thanh tịnh thuận theo mong cầu dễ đấm trước-khó rời bỏ, cho nên dựa theo nhiều môn.

*Ba là trong giải thích:* Trước nêu ra câu hỏi: Tất cả người thế gian đều yêu quý thanh tịnh mà chán ghét dơ bẩn, vì sao Bồ-tát không như vậy? Sau trong giải thích: Đầu là đối với câu hỏi tổng quát giải thích, bởi vì quán xét về pháp nhiệm-tịnh rỗng lặng bình đẳng; sau từ “Vô tăng ái...” trở xuống là riêng biệt hiển bày về sáu cặp pháp, đối đãi nhau làm mất lẫn nhau, đều không có tự tánh cho nên không yêu-ghét.

*Trong phần hai là hạnh Đại Bi:* Đầu là nhắc lại phần trước hòa vào phần sau, nghĩa là nhắc lại trí quán pháp tánh trước đây, thì do thuận theo hòa vào trong tánh chúng sinh, bởi vì tánh giống nhau, cho nên hóa sinh mà luôn luôn không đấm trước. Sau là chính thức hiển bày về tướng có bảy: Một là không đấm trước đối với chúng sinh đã hóa độ. Hai là không đấm trước đối với Pháp hóa độ. Ba là không đấm trước đối với Tâm hóa độ, nghĩa là Đại Bi trú chung quả mà Phật đã trú. Bốn là không đấm trước đối với Giáo hóa độ, nghĩa là tùy theo ngôn ngữ địa phương khác nhau, cho nên nói là đủ loại ngôn ngữ... Năm là không đấm trước đối với Xứ hóa độ, nghĩa là sáu đường đều là nơi cư trú của chúng sinh; lại là không đấm trước thực hành hóa độ, nghĩa là bởi vì Tam thừa đều là nơi thực hành hóa độ cho nên nói là đạo. Sáu là không đấm trước đối với chỗ dựa khởi lên hóa độ, nghĩa là dựa vào Tam-muội khởi lên việc làm hóa độ người khác. Bảy là không đấm trước đối với quốc độ đã đi qua. Như vậy đều đối với các hạnh và việc làm khiến cho trí chuyển sang tròn vẹn mà không có gì đấm trước.

*Trong phần hai là hạnh Thắng tiến, có ba:* 1) Tự thành tựu công hạnh thù thắng; 2) Từ “Đắc thọ ký dĩ...” trở xuống là Đại Bi thâm nhiếp giáo hóa; 3) Từ “Bất trước thân...” trở xuống là Đại Trí chiếu rọi lý để hiển bày về Vô trước.

*Trong phần một có chín câu:* Một là ngộ Thật giáo, ở nơi quốc độ của chư Phật đã đi qua trước đây, dùng tâm không đấm trước tiếp nhận hiểu hết lý trong giáo của Phật thuyết ra, cho nên nói là Thật giáo. Hai

là tìm theo giáo đạt được ý chỉ, cho nên vô ngại đối với đạo. Ba là dựa vào giáo lập hạnh, cho nên nói là đối với pháp đã lập. Bốn là nhờ vào tu hành thành tựu, cho nên nói là đầy đủ hạnh Bồ-tát. Năm là hạnh thành tựu không thay đổi, cho nên nói là trú vào tâm Bồ-tát. Sáu là dựa vào tâm thành tựu đức, cho nên nói là thành tựu giải thoát vắng lặng. Bảy là đức thành tựu lìa xa tướng, cho nên nói là không nghĩ đến việc đã làm. Tám là lìa xa tướng tiến vào chứng, cho nên nói là trú trong đạo thanh tịnh. Chín là chứng thành tựu thâm nhiếp quả, cho nên nói là thọ ký. Nghĩa về thọ ký nói đầy đủ như trong phẩm Ly Thế Gian sau này.

*Trong phần hai là hạnh Đại Bi, có hai:* Một là nghĩ đến chúng sinh không có thiện mà chỉ có ác; hai từ “Nhĩ thời Bồ-tát...” trở xuống là phát khởi tâm Bi cứu độ. Lại một là tăng trưởng Đại Bi, hai là tùy theo Đại Bi.

*Trong phần một có ba:* Một- Trình bày bởi vì si ái cho nên lưu chuyển trong sinh tử, nghĩa là không biết gì về Khổ, không thấy gì về Diệt, tối tăm không có niềm tin, không đoạn trừ về Tập, tâm không chân thật thì rời xa đạo. Trên đây là lỗi lầm của ngu si, thường thực hành pháp nhiệm là lỗi lầm của ái, lưu chuyển là bởi vì nghiệp của Tập khi si ái trước đây, cho nên quả khổ cứ nối tiếp nhau. Hai- Từ “Bất kiến Phật...” trở xuống là trình bày bởi vì tà kiến-kieu mạn, cho nên nhận chịu đủ loại khổ đau, trong đó có hai: 1- Bởi vì chướng cho nên không gặp được người-pháp chính đáng, vì thế cho nên khởi lên tà kiến; 2- Từ “Bất cầu...” trở xuống là trình bày bởi vì kieu mạn cho nên bài báng người-pháp chính đáng mà đi vào cảnh của tà ma. Trong đó: a- Không cầu thiện hữu; b- Nghe về Không sinh ra sợ hãi mà cự tuyệt không nghe Chánh pháp; c- Không tư duy đúng đắn cho nên bài báng; d- Từ bỏ... là trình bày về sự tu hành trái ngược; cuối cùng là trình bày bởi vì đắm theo tà kiến-kieu mạn này mà có nhận chịu khổ đau. Ba- Từ “Nhĩ thời Bồ-tát kiến...” trở xuống là kết luận về tâm Bi tăng trưởng không đắm vào điều thiện của mình.

*Trong phần hai là tùy theo Đại Bi, có ba:* Trước là khởi tâm giáo hóa, tiếp là hiển bày về Vô trước, sau là thành tựu công hạnh giáo hóa.

*Trong phần trước:* Một, Tổng quát hiển bày về ý, nghĩa là vì nhiều chúng sinh đều trải qua nhiều kiếp, đều không có tạm thời lìa xa, không rời bỏ như đầu mảy lông, trình bày về tâm Đại Bi theo đuổi chúng sinh như trâu nghé đi theo trâu mẹ... Hai, Riêng biệt hiển bày về tâm Bi sâu sắc, nghĩa là một đời vì giáo hóa nhiều nơi đều nhiều thời gian, nhiều

đời cũng như vậy. Trong từng niệm niệm không dứt là trình bày về tu không gián đoạn, sau mỗi một nơi chốn đầy đủ... trình bày về phát khởi thực hành giáo hóa, là tu trải qua thời gian dài.

Phần ba là Đại Trí chiếu rọi lý để trình bày về nguyên cố của Vô trước, trong đó: Trước có mười câu thẳng thắn phân rõ về Vô trước; sau từ “Hà dĩ cố...” trở xuống là giải thích về nguyên cố thành tựu.

**Trong giải thích:** Trước nêu ra câu hỏi: Vì sao Bồ-tát không đắm trước tất cả? Sau trong giải thích dựa theo tám dụ để hiển bày: Một là tổng quát giải thích, bởi vì quán tất cả pháp giới duyên khởi không phải là có, vì có giống như huyễn, cho nên không đắm trước; sau là theo thứ tự loại bỏ nghi ngờ.

Hai, nghi ngờ rằng: Lửa huyễn của thế gian không có được công dụng đốt cháy, nay Đức Phật xuất thế làm nhiều lợi ích cho chúng sinh, lẽ nào giống như điều ấy hay sao? Giải thích rằng: Như chớp điện cũng có tác dụng soi chiếu bóng tối..., lẽ nào là thật có? Nhưng chớp điện có ba nghĩa: 1-Nghĩa về bỗng nhiên có; 2-Nghĩa về soi chiếu bóng tối; 3-Nghĩa về mau chóng tắt đi. Quả Phật có ba nghĩa: 1-Ngay nơi Tịch khởi Dụng, là nghĩa về bỗng nhiên có; 2-Ngay nơi Dụng luôn luôn Tịch, là nghĩa về mau chóng tắt đi; 3-Tịch và Dụng vô ngại làm nhiều lợi ích cho chúng sinh, là nghĩa về soi chiếu bóng tối. Đây là hiển bày về không đắm trước đối với Phật trên đây.

Ba, nghi ngờ rằng: Nếu Phật như chớp điện, vì sao Bồ-tát phát khởi công hạnh hưởng đến mong cầu, nhân đã không trống rỗng thì quả lẽ nào không thật? Giải thích rằng: Công hạnh của Bồ-tát như mộng, lẽ nào có thể là thật? Nhưng mộng cũng có ba nghĩa: 1) Nghĩa về không có Thể; 2) Nghĩa về hiện rõ thật sự, vì vậy khiến cho trong mộng thấy có; 3) Nghĩa về có tác dụng, bởi vì làm duyên cho tỉnh giấc. Như trong mộng bởi vì đuổi chạy liên giật mình tỉnh giấc, nhìn lại không có đến-không chạy, nhìn thân mình vốn không chuyển động.

Bồ-tát đã chưa thành Phật, chưa hoàn toàn tỉnh ngộ đối với giấc mộng lớn của tự tâm, cho nên tu tập thực hành cũng có ba nghĩa: 1) Chứng lý vốn là Không; 2) Vô minh chưa hết vốn là thật; 3) Có thể thành tựu quả Phật vốn là tác dụng, nghĩa là ở trong giấc mộng của Vô minh, hăng hái chịu khó trải qua nhiều kiếp, bỗng nhiên Đại ngộ quả Phật hiện rõ trước mắt, nhìn lại trong giấc mộng đều không có gì đã làm, thuận theo nhìn lại bốn tánh thì khác nào đầy đủ công đức. Như phần sau trong Địa thứ tám dụ về giấc mộng vượt qua sông, dựa vào đây giải thích về không đắm trước đối với công hạnh của Bồ-tát ở văn

trên.

Bốn, nghi ngờ rằng: Nếu công hạnh của Bồ-tát hạnh như giặc mộng không hề có gì, thì tại sao kinh nói đây là hạnh của Bồ-tát, đây là hạnh của Nhị thừa? Giải thích rằng: Pháp đã nghe như tiếng vang, tiếng vang cũng có ba nghĩa: 1) Nghĩa về bởi vì tiếng vang-hang trống... duyên nhau mà thành; 2) Nghĩa về không có gốc; 3) Nghĩa về ngôn từ giải thích.

*Thánh giáo cũng có ba:* 1) Cơ cảm đến Phật ứng hiện; 2) Thể ấy không có gốc; 3) Hợp với căn cơ giải thích nêu rõ. Vì thế cho nên giáo này là không nói mà nói. Như vậy trên đây là giải thích về không đấm trước đối với công hạnh của mình.

Năm, nghi ngờ rằng: Trước đây nói về hành của quả... có thể hạn hẹp là Không, sự việc về thế giới rộng rãi thì điều này phải là thật? Giải thích rằng: Như hóa hiện, hóa hiện cũng có ba nghĩa: 1) Thần lực duy trì phát khởi; 2) Thuộc về số Phi chúng sinh; 3) Có dụng của chúng sinh.

*Thế giới cũng giống như vậy:* 1) Tự Thức biến hiện khởi lên; 2) Tánh và tướng không có thật; 3) Chứa đầy hữu tình. Đây là hiển bày về tâm quán xét quốc độ tịnh-úế không có gì đấm trước ở văn trên.

Sáu, nghi ngờ rằng: Nếu quốc độ như hóa hiện không có thì vì sao nhân của quốc độ có thiện ác sai biệt? Giải thích rằng: Nghiệp báo khởi lên như Ma-nậu-ma Hóa thân. Cổ đức giải thích rằng: Đây gọi là thân trở lại hóa hiện, nghĩa là trên hóa hiện lại khởi lên hóa hiện, cho nên nhân quả vốn là đều hóa hiện. Nay lại hỏi Tam tạng sư: Ma-nậu-ma, Trung Hoa nói là Ý sinh, hoặc nói là Ý thành, tức là Ý sinh thân. Thân ấy lại khởi lên hóa hiện, cho nên còn nói là Hóa thân, thân này cũng có ba nghĩa: 1) Hai hóa hiện đều không phải là có; 2) Hai tướng hiện bày giống nhau; 3) Có dụng của nhân quả sinh khởi qua lại. Nghiệp quả có ba nghĩa giống như vậy, dựa theo đây biết rõ, vì thế cho nên ngay nơi có tức là không có.

Bảy, nghi ngờ rằng: Nếu nghiệp quả đều Không, thì chủng loại báo ứng của chúng sinh do đâu mà sai biệt? Giải thích rằng: Vốn là do tâm vẽ ra, vẽ ra cảnh tượng cũng có ba nghĩa: 1) Nghĩa về bình thường phai mờ, bởi vì giống như bức tường; 2) Nghĩa về có cao thấp, bởi vì thợ vẽ không thay đổi; 3) Nghĩa về không ngăn ngại, bởi vì thấp cao không ngăn ngại.

Chúng sinh cũng như vậy, ở trên bức tường chân như bằng phẳng, tâm vẽ ra thành cảnh tượng: 1) Là nghĩa về Không, bởi vì phai mờ cùng là chân; 2) Nghĩa về Hữu, bởi vì nghiệp quả không thay đổi, tâm tùy

theo huân tập mà biến hiện; 3) Nghĩa về vô ngại, đó là Không-Hữu vô ngại. Bởi vì đều là tướng Không giống hết nhau, hiển bày không hề có gì, cho nên thâm nhiếp giáo hóa không bỏ dỡ; luôn luôn không có gì giáo hóa, cho nên không đấm trước.

Tám, nghi ngờ rằng: Nếu chúng sinh như vậy thì tại sao Bồ-tát đến với cơ mà thuyết pháp? Giải thích rằng: Pháp đã thuyết giảng đúng như thật tế, nghĩa là ngay nơi ngôn từ thuyết giảng này luôn luôn giống như thật tế, không phải là nói không có ngôn từ mới là giống như thật tế. Trên đây là bốn môn giải thích về nghĩa không đấm trước trong hạnh Lợi tha trước đây.

Trong phần thứ ba là dựa vào hạnh thành tựu đầy đủ trình bày về Vô trước, trong đó có ba: Một là Tự hành, hai là Hóa tha, ba là giải thích về thành tựu.

*Trong phần một có ba:*

1) Hạnh rộng rãi: a) Niệm là thời gian nhanh chóng; b) Đầy khắp mười phương là nơi chốn rộng rãi; c) Hạnh to lớn; d) Như pháp giới là hiển bày về hạnh thù thắng; e) Như hư không là làm sáng tỏ về hạnh rộng rãi, nghĩa là do soi chiếu thấy rõ pháp tánh mà thành tựu hạnh xứng với tánh này.

2) Trình bày về hiểu rộng rãi, nghĩa là hiểu biết về tất cả phương tiện quyết định chứng lý của chư Phật.

3) Giải thích thành tựu hai loại trước để hiển bày về Vô trước, nghĩa là do nhận biết rõ ràng về tâm của mình mà nhanh chóng trong một niệm có thể đến khắp mười phương thế giới, lập tức thành tựu hiểu biết thực hành như thành tựu trước đây. Lại biết tánh tùy duyên của tâm mình mà khởi lên, tức là cũng không khởi lên, lý-sự vô ngại không trú vào một nơi cố định, cho nên nói là xoay chuyển mau chóng. Vì vậy cho nên có thể xứng với pháp mà khởi lên Đại hạnh.

*Trong phần hai là hạnh Đại Bi lợi tha:* Trước là thực hành, sau từ “Nãi chí...” trở xuống là trình bày về Vô trước.

*Trong phần trước có năm câu:* 1) Thấy pháp thù thắng sinh tâm hoan hỷ; 2) Từ “Khởi Đại Từ...” trở xuống là mình và người không buồn lo; 3) Từ “Vị thành...” trở xuống là nêu ra ý giáo hóa của mình, nghĩa là thành tựu pháp thiện-điều phục pháp ác; 4) Từ “Viễn ly...” trở xuống là trình bày về phát khởi thực hành giáo hóa; 5) Từ “Nhược văn...” trở xuống là còn có chính thức giáo hóa, đó là: Một, ngôn âm không giống nhau; hai, tạo nghiệp đều khác nhau; ba, các phương pháp thì gọi là thí thiết; bốn, nhiếp chúng sai biệt cho nên nói là hòa hợp; năm, thú hưởng

không giống nhau cho nên nói là lưu chuyển; sáu, sự tu tập khác nhau gọi là các hạnh; bảy, phạm vi giới hạn sai biệt cũng là sở duyên; tám, đạt được phần vị cũng khác nhau; chín, hướng về quả không như nhau; mười, từ “Ngã đương...” trở xuống là khởi nguyện chính thức giáo hóa.

Phần ba là giải thích cả hai phần trước, có thể biết.

**Hạnh thứ tám là Tôn trọng**, đưa ra năm môn:

Một, Giải thích tên gọi, nguyện hạnh của Bồ-tát sâu rộng cao xa thù thắng đáng quý mà lập thành tên gọi.

Hai, Thể tánh, dùng Đại Nguyện làm Thể của hạnh, nhưng vốn là Hậu đắc trí. Trong luận Du-già quyển thứ 49 nói: “Mong cầu tánh thù thắng của trí ở sau mỗi một Địa, gọi là Nguyện Ba-la-mật-đa, lại dùng ba pháp là Tín-Dục-Thắng giải làm tánh.” Lại luận Khởi Tín nói v.v...

Ba, Chủng loại, trong luận Duy Thức nói: “Nguyện có hai loại: 1) Nguyện cầu Bồ-đề, 2) Nguyện làm lợi ích vui sướng cho người.” Hoặc là bốn Hoàng-năm Nguyện, như luận Du-già nói; hoặc là mười Nguyện như văn sau nói.

Bốn, Công năng, do Đại nguyện này có khắp tất cả các hành, nhờ vào sự giúp đỡ khiến cho cao xa thù thắng, từ công năng này mà gọi là hạnh Tôn trọng.

Năm- Giải thích văn, phân rõ trong tướng có hai: Trước là trình bày về hạnh thuộc Tự phần, sau từ “Bỉ Bồ-tát...” trở xuống là trình bày về hạnh thuộc Thắng tiến.

*Trong phần trước có ba:* Một, trình bày về chỗ dựa của hạnh phát khởi, đó là các thiện căn, thiện là nghĩa về thuận theo lý, căn là nghĩa về tăng thượng-nghĩa về sinh trưởng. Trong đó có chín câu, một câu đầu là tổng quát, tám câu còn lại là riêng biệt.

*Trong riêng biệt:* 1) Tâm khởi hạnh kiên cố; 2) Tình thức biểu hiện vượt lên cao; 3) Hạnh sâu xa khó lường; 4) Sinh ra công đức rộng nhiều; 5) Chứng được vắng lặng khó lay động; 6) Hạnh tuyệt diệu không có so sánh; 7) Không còn tâm giữ lấy-rời bỏ; 8) Hạnh rộng rãi giống như Phật. Đầy đủ các nghĩa này, cho nên gọi là Tôn trọng.

Hai, chính thức hiển bày về tướng của hạnh, trong đó có bốn: 1) Nội tâm kiên cố, đó là phát khởi hai niệm Nguyện-Hạnh; 2) Ngoại duyên thù thắng, đó là hai duyên thuận-nghịch, mà là nghịch duyên cũng có thể thành tựu hạnh; 3) Hạnh thành tựu tôn trọng, đó là hai hạnh thanh tịnh và chịu khó; 4) Nguyện thành tựu không lui sụt.

Ba, từ “Thử Bồ-tát...” trở xuống là trình bày về hạnh thành tựu lợi ích, trong đó đã an trú vào hạnh tôn trọng là kết luận về hạnh thuộc

Tự phần đã thành tựu; từ “Ư niệm niệm...” trở xuống là chính thức trình bày về hai Lợi. Trước là trong Tự lợi, đối với tai họa làm thay đổi rời xa, đối với công đức làm chuyển biến tăng thêm, lý thật gồm chung tăng thêm tất cả các hạnh nguyện. Dựa theo nguyện hiển bày thì bởi vì đây vốn là nguyện vượt qua phần vị. Sau là trình bày về Lợi tha, bởi vì Bồ-tát này bên trong có đủ thật đức, khiến cho bên ngoài thấy nghe đều không hư vọng.

*Trong phần sau là hạnh thuộc Thắng tiến, có ba:* Một, tu thành tựu về Tâm hạnh tôn trọng; hai, dựa vào Tâm tu thành tựu về Tuệ hạnh tôn trọng; ba, dựa vào Tuệ tu thành tựu về Bi hạnh tôn trọng.

*Trong phần một cũng có ba:* 1) Trình bày về tu Tâm hạnh vô ngại; 2) Từ “Bồ-tát như thị...” trở xuống là trình bày về tu Tâm hạnh vô tận; 3) Từ “Nhi Bồ-tát...” trở xuống là cùng kết luận về hai hạnh.

*Trong phần một có hai:* a) Dựa vào lý phát khởi giáo hóa là trình bày về hạnh vô ngại; b) Từ “Ư chúng sinh số...” trở xuống là trình bày về lý sự dung hòa tự nhiên của hạnh vô ngại.

Trong mục a là pháp-dụ-hợp.

Hỏi: Đã không hướng về sinh tử, không hướng đến Niết-bàn thì nên nói là lưu chuyển giữa hai nơi này không dừng lại, tại sao chỉ nói là lưu chuyển giữa sinh tử không dừng lại?

Đáp: Pháp sư Viễn giải thích rằng: Trước không hướng về hai nơi là lìa xa có, không dừng lại giữa dòng là lìa xa không có, nghĩa là sinh tử không có nơi chốn gọi là ngừng lưu chuyển giữa dòng; không dừng lại nơi không có này, cho nên nói là lưu chuyển giữa dòng không dừng lại. Nay lại giải thích như nước chảy về phía Đông, không dừng lại bờ Nam, không dừng lại bờ Bắc, cũng có thể nói là không ngừng lưu chuyển giữa bờ Bắc, bởi vì ở giữa không có Thể riêng biệt, dựa theo bờ mà phân định. Nếu như vậy thì bờ Nam cũng được, vì sao không nói là lưu chuyển giữa Niết-bàn? Giải thích: Bởi vì chúng sinh đã hóa độ vốn ở bờ bên này, cho nên chỉ dựa vào sinh tử mà luận, dựa vào bên kia cũng được.

Hỏi: Vì sao lìa xa bờ không có ở giữa riêng biệt?

Đáp: Như đối với tất cả chúng sinh, bởi vì Như Lai Tạng như nước là bờ bên kia, bởi vì vọng tâm như sóng là bờ bên này. Bởi vì nước tức là sóng, không phải là động cho nên bờ bên kia chứ không phải là bờ bên này. Bởi vì sóng tức là nước, không phải là tịnh cho nên bờ bên này chứ không phải là bờ bên kia. Bởi vì nghĩa này cho nên hai bờ đều tồn tại. Lại bởi vì nước không phải là động, tức là sóng cho nên bờ bên kia

mà không phải là bờ bên kia; sóng không phải là tịnh, tức là nước cho nên bờ bên này mà không phải là bờ bên kia. Không phải là bờ bên này, không phải là bờ bên kia, đó gọi là lưu chuyển giữa dòng, cho nên Bồ-tát ở giữa chưa hề không phải là bờ, phàm phu Tiểu thừa ở bên bờ chưa hề không phải là giữa dòng. Dựa vào nghĩa này, cho nên Bồ-tát là chủ động giáo hóa cuối cùng là không chủ động, chúng sinh là thị động giáo hóa cuối cùng cũng không có gì giáo hóa, bởi vì giữa dòng-bên bờ ngay trong nhau, chủ động-thụ động viên dung vô ngại, suy nghĩ điều này.

*Trong mục b là lý-sự dung hòa tự nhiên, đưa ra hai cách giải thích: Một là dựa theo Tướng, hai là dựa vào Thật.*

*Trong một là dựa theo Tướng:* Câu đầu là tổng quát gồm chung đối với tất cả; từ “Tâm vô sở trước...” trở xuống là trong riêng biệt hiển bày: Trước là thẳng thắn phân rõ có năm cặp-mười câu: 1) Trên đây nói không đấm trước, không phải là không đấm trước đối với một chúng sanh mà còn lại đều có đấm trước, cũng không phải là lìa xa nhiều mà đấm trước một, bởi vì tất cả đều không đấm trước. 2) Lợi ích bởi vì tu thiện không tăng thêm, giáo hóa khiến cho đoạn ác không giảm bớt, đây là hưởng về phần vị nhân chưa thành tựu quả mà nói. 3) Thiện đầy đủ quả khởi lên mà không sinh, hoặc chướng vĩnh viễn không còn mà không diệt; lại công đức của quả đầy đủ mà không sinh, trú trong Đại Niết-bàn mà không diệt, đây là hưởng về bất đầu thành tựu quả mà nói. 4) Dù cho đều thành tựu quả, chúng sinh giới không tận cùng mà quả vị không tăng thêm, đây là hưởng về sau khi đã thành tựu quả mà nói. 5) Tuy như trên nói không có tăng thêm-giảm bớt..., nhưng sự giáo hóa này thành tựu lợi ích không trống rỗng, sự giáo hóa tuy là không trống rỗng mà không trái với cách nói trước đây, cho nên cũng không hai. Đây cũng là kết thúc phần trước.

*Trong phần sau là giải thích, có hai:* Trong phần đầu là nêu ra câu hỏi, hiện tại giáo hóa chúng sinh có tăng thêm-có giảm bớt, vì sao lại nói không hai? Giải thích bởi vì chúng sinh giới giống như pháp giới, cho nên không có tăng thêm-giảm bớt, sinh-diệt đều không có đấm trước dựa vào, giải thích về không đấm trước một-nhiều... trước đây. Sau trong giải thích, trước nêu ra câu hỏi: Giả sử giống như pháp giới thì lẽ nào có thể không hai? Giải thích bởi vì pháp giới không hai do đó khiến cho chúng sinh giới cũng không có hai loại như tăng thêm-giảm bớt...

Hai là dựa theo Thật để giải thích: Câu đầu là hiển bày về tự tâm



của Bồ-tát không nhiễm, bởi vì trí có đấm trước thì không có thể soi chiếu đến pháp vô ngại này; sau là hiển bày về tướng vô ngại. Đầu là trong năm cặp phân ba: Hai cặp đầu là một, hiểu về sự khiến cho dung hòa, một-nhiều không ngăn ngại, cặp trước là nêu ra-cặp sau là giải thích, đấm trước giống như đưa vào. Nghĩa là đối với một chúng sinh đưa vào nhiều chúng sinh, đối với một không tăng thêm, đối với nhiều không giảm bớt; đối với nhiều đưa vào một, ngược lại với trên có thể biết. Chúng sinh giới ấy là Như Lai Tạng, bởi vì tánh gồm-chung-tướng dung hòa cho nên có thể sự tùy theo lý mà không ngăn ngại. Hai cặp tiếp là một, trình bày về sự đã giống với lý khởi lên đều không ngăn ngại, cũng một cặp là nêu ra-một cặp là giải thích, có thể biết. Một cặp sau cuối là cùng kết luận về hai phần trước, trình bày về lý-sự vô ngại, nghĩa là cùng chung chân lý mà không mất đi sự, cho nên nói là không hư giả; hiện rõ tướng của sự mà tức là chân thật, cho nên không hai.

*Trong phần sau là giải thích, có hai:* Trước là giải thích về sự giống với lý, sau là giải thích về dùng lý để thâm nhiếp sự. Kinh Bát Tạng Bất Giảm nói: “Chúng sinh giới-Pháp giới không hai-không khác, tức là Pháp thân này bởi vì phiền não nhiễm ô, cho nên lưu chuyển trong năm đường gọi là chúng sinh.” Lại nói: “Pháp thân là chúng sinh, chúng sinh là Pháp thân. Pháp thân và chúng sinh một nghĩa mà khác tên gọi.” Lại nói: Nếu có người nói chúng sinh giới-pháp giới có hai-có khác, thì Ta nói người ấy gọi là Nhất xiển đề.”

Phần thứ hai từ “Bồ-tát như thị...” trở xuống là dựa vào Tâm vô tận tu đức vô tận, trong đó có hai: Trước là thẳng thắn hiển bày, sau là giải thích về thành tựu.

*Trong phần trước:* Đầu là dựa vào lý khởi hạnh, sau là đức thù thắng tự trang nghiêm. Đầu là hiển bày về phước thù thắng, từ “Thiện năng phân biệt...” trở xuống là trình bày về Tuệ sâu xa, bởi vì soi chiếu đến nguồn cội của pháp gọi là Đáo bỉ ngạn; từ “Nhị tất phân biệt...” trở xuống là trình bày về ứng hiện khắp nơi giáo hóa bên ngoài, trước là thân nghiệp hiện rõ khắp nơi, tiếp là ý nghiệp không nhiễm, sau là ngữ nghiệp thuyết giảng rộng rãi.

Trong phần sau là giải thích về thành tựu, có pháp-dụ-hợp. Trong pháp, nghĩa là tuy đối với tất cả pháp lìa xa bến bờ của các dục, mà không gián đoạn Đạo của Tự phần, không rời bỏ Hạnh của Hóa tha, cho nên dựa vào vắng lặng mà dấy khởi hạnh, hạnh đức vô tận, khiến cho tướng của đức Tự lợi-Lợi tha trước đây thêm thù thắng. Nói đến công đức vô tận là đức rộng lớn, tiến vào pháp giới thanh tịnh là chứng sâu

xa. Trong hợp, hai Lợi có thể biết.

Phần ba là cùng kết luận, nghĩa là bởi vì dung hòa hai tâm trước đây làm một hạnh, cho nên hai tướng so sánh và làm mất nhau đều phai mờ. Trong đó có năm cặp-mười câu: Cặp đầu dựa theo Hạnh tu, nghĩa là cứu cánh thì tâm hạnh vô ngại, bởi vì tiến vào lý ngừng mong cầu cho nên không phải là cứu cánh thì tâm hạnh vô tận, bởi vì phát sinh công đức vô cùng tận, bởi vì phát sinh công đức thì tiến vào lý, tiến vào lý luôn luôn phát sinh công đức, cho nên cả hai đều không phải; sau đều dựa theo điều này. Cặp hai dựa theo Đoạn hoặc, nghĩa là chiếu rọi tánh của Hoặc trống rỗng thì không thể đoạn trừ-lìa xa, khác với soi chiếu gốc ngọn cho nên không phải là không lìa xa. Cặp ba dựa theo Chứng lý, nghĩa là bởi vì lý không có tướng, không phải là nơi có thể dựa vào, thì do chiếu rọi lý về không dựa vào này, khiến cho trí tròn vẹn sáng ngời không phải là không dựa vào. Cặp bốn dựa theo đã thành tựu, nghĩa là lúc chứng lý dựa theo nhiệm trống rỗng không có gì đáng rời bỏ, cho nên không phải là thế gian; tịnh không phải là mới có, cho nên không phải là Phật pháp. Vả lại, không có nhiệm nào đáng chán ngán, không có tịnh nào đáng vui mừng. Cặp năm dựa theo phần vị không phải là phạm phu-Tiểu thừa, nghĩa là đạt được quả đều là bốn quả thuộc Nhị thừa...

Từ đây trở xuống là phần hai dựa vào Tâm tu thành tựu về Tuệ hạnh tôn trọng. Trong đó câu đầu nhắc lại phần trước sinh khởi phần sau, nghĩa là thành tựu tâm sâu nặng thì nhắc lại tâm trước đây. Tu tập hạnh Bồ-tát là chính thức trình bày dựa vào hạnh trí tuệ tu tập trước đây, trong đó có hai: Một là trình bày về trí soi chiếu hạnh tiến vào lý, hai từ “Thí như hư không...” trở xuống là trí dung hòa cả lý và hạnh.

*Trong phần một:* 1) Trình bày về Hóa hạnh Vô giáo, 2) Tự hành Vô niệm.

*Trong phần 1:* a) Năm cặp mười câu, chính thức hiển bày có thể biết; b) Từ “Hà cố...” trở xuống là giải thích về thành tựu. Trong đó, không có thọ-không có chuyển, là không có Chánh pháp có thể tiếp nhận, không có tà hoặc có thể chuyển diệt. Lại không tiếp nhận duyên khác cho nên không có thọ, Chánh hạnh vững vàng tồn tại cho nên không có chuyển. Lại đối với các pháp Nhị thừa như năm cặp trên đây mà có thể không tiếp nhận, đối với Chánh lý không chỉ dạy mà có thể không chuyển đổi, xứng với lý mà khởi hạnh không có lui sụt ngừng lại cho nên nói là không lui sụt.

*Trong phần hai là Tự hành vô niệm, có hai:* Trước là chính thức

hiển bày, sau là giải thích về thành tựu.

Trong phần trước, lúc thực hành thì vắng lặng là nhắc lại phần trước. Không nhớ... là chính thức hiển bày về Vô niệm, hạnh này giống như hạnh không có công dụng của Địa thứ tám cho nên Vô niệm. Không lay động ý niệm vì mười pháp, đó là ba Thời-ba Khoa-ba Vị, bên trong là Chánh báo, bên ngoài là Y báo, bên trong-bên ngoài đầy đủ cả hai, lại ba pháp là Căn-Cảnh-Thức cũng được, một pháp sau cuối là dựa vào phần vị để kết luận, bởi vì trong phần vị này tuy là tu tập Đại nguyện mà cũng Vô niệm.

*Trong phần sau là giải thích:* Trước là giải thích vì sao Vô niệm, bởi vì thông hiểu rõ ràng trong các pháp bình đẳng không có trí hạnh, mà có thể hướng về duyên vốn có để thành tựu, cho nên Vô niệm. Sau là giải thích vì sao không hướng về, bởi vì chủ động hướng về-thụ động hướng về không hai, mà không hai cũng lìa xa, cho nên nói là không có không hai. Vả lại, đây cũng là giải thích phần trước sinh khởi phần sau, lý hạnh không hai là giải thích phần trước; tuy hợp lại mà không hai nhưng chủ động-thụ động rõ ràng, cho nên nói là không có không hai, đây là văn sinh khởi phần sau.

*Trong phần hai là trí dung hòa cả lý và hạnh, có hai:* 1) Chính thức trình bày về lý hạnh vô ngại; 2) Từ “Thử Bồ-tát...” trở xuống là trình bày về công thành tựu thì đức thiết lập.

*Trong phần một có hai:* a) Pháp dụ nêu ra phát khởi, nghĩa là Vô sai biệt hiển bày về hạnh giống như lý phai mờ tướng của hạnh, không phải là không thành tựu... trình bày về lý giống như hạnh giữ lại công của hạnh. Hai loại này là một hạnh, dựa theo trong dụ chỉ là không phải không có hư không Vô sai biệt này, không phải nghĩa là có vật khác. Vậy thì trong pháp không phải là không thành tựu Chánh giác Vô sai biệt này, không phải nghĩa là không sai khác dựa theo lý, thành tựu... dựa theo hạnh. Đây là trình bày về lấy không có thành tựu làm thành tựu, suy nghĩ điều này!

*Trong phần b là giải thích:* Trước là giải thích về hạnh của Vô hạnh, sau là giải thích về hạnh tức là Vô hạnh. Lại đầu là trình bày về lý không trái với hạnh, hạnh tiếp nhận lý mà thành tựu công đức; sau là trình bày về hạnh không trái với lý, lý phai mờ hạnh mà trở về vắng lặng.

Phần trước là giải thích về nghĩa đầu, nghĩa là hạnh tiếp nhận lý tuy là vạn hạnh mà luôn luôn vắng lặng, đây là hạnh của Địa thứ tám. Trong đó: Đầu là một câu chính thức hiển bày về Chân lý không trái

với Chánh hạnh; sau là làm sáng tỏ về tướng của hạnh ngay nơi lý: Một là hạnh Tự lợi; hai từ “Điều phục...” trở xuống là hạnh Lợi tha. Không hủy hoại nhân quả là kết luận về hai hạnh, nghĩa là bởi vì không ngăn ngại tồn tại, bởi vì không cần phải hủy hoại. Phần sau là giải thích về hạnh không trái với lý, có thể biết.

Trong phần hai là trình bày về công thành tựu thì đức thiết lập, có hai:

Một là đối với Phật có thể sánh bằng, nghĩa là ba đời Như Lai đều cùng thành tựu hạnh Vô ngại này, nay cũng đạt được hạnh ấy cho nên giống nhau. Đây là tổng quát. Sau là riêng biệt phân rõ: a-Hiện bày về Bốn giác bên trong, cho nên nói là không đoạn mất Phật tánh; b-Hạnh tuy ngay nơi lý mà thành tựu tu luôn luôn đầy khởi, cho nên nói là không hủy hoại Chánh pháp, vì vậy sánh bằng Phật.

Hai là đối với Pháp có thể làm cho phát triển, câu đầu là tổng quát, từ “Biện tài...” trở xuống là riêng biệt hiển bày có ba: a-Biện tài Vô nhiễm làm cho pháp phát triển; b-Từ “An trú...” trở xuống là trình bày về trí Vô úy làm cho pháp phát triển; c-Từ “Bất xả...” trở xuống là trình bày về hạnh Vô trước làm cho pháp phát triển.

Thứ ba là dựa vào Tuệ tu tập thành tựu về Bi hạnh tôn trọng.

Trong đó: Đầu là trình bày nhắc lại phần trước sinh khởi phần sau, Bồ-tát thành tựu trí tuệ tôn trọng như vậy là nhắc lại trí tuệ sâu xa đã thành tựu trước đây, tu tập Bồ-tát hạnh là dựa vào trí tuệ ấy để tu tập hạnh Đại Bi này. Sau là trong phần chính thức hiển bày có hai: 1) Tổng quát nêu ra ý của Bi hạnh, nghĩa là trước cảm hóa khiến cho thoát khỏi nghiệp chướng là giáo hóa thành tựu, sau cảm hóa khiến cho trú vào đạo. Lại trước là khiến cho thoát khỏi nạn nẻo ác đạt được lợi ích của trời người, sau là khiến cho thoát khỏi sinh tử đạt được lợi ích của giải thoát. 2) Từ “Như thị giáo...” trở xuống là dùng sự để xét tâm hiển bày về thành tựu Bi hạnh, trong đó có hai: Một, trình bày về tâm không có mong cầu gì khác; hai, từ “Đản dục điều phục...” trở xuống là chỉ vì lợi ích cho chúng sinh.

Trong phần một, trước là thẳng thắn phân rõ, sau là giải thích. Trong phần trước, đầu là người ác, sau là người thiện, nghĩa là giả sử người ác kia đều có thiện hữu trí tuệ sáng suốt đầy khắp thế gian, mình cuối cùng không vì danh lợi... mà tranh nhau cảm hóa để tu tập. Lại giải thích: Bồ-tát cuối cùng không đối với người ác tà kiến mà rời bỏ cảm hóa, bởi vì họ không biết đến ân nghĩa cho nên không có được danh lợi; đối với người thiện trí tuệ sáng suốt mà thâm nhiếp cảm hóa, bởi vì

họ chú ý đến ân nghĩa cho nên có được danh lợi, vì vậy nói rằng mình không vì ở nơi người thiện có được danh lợi mà tu hạnh Bồ-tát. Sau là giải thích về không có mong cầu gì khác, một sợi tơ là nhỏ nhất trong Lợi, một lời yêu thương là ít nhất trong Danh, ít hễ còn không làm, hưởng hồ là nhiều.

Trong phần hai là chỉ vì lợi ích cho chúng sinh, cũng trước là thẳng thắn phân rõ, vì điều phục người khác là trao cho ba Học, thanh tịnh là khiến cho đoạn trừ phiền não, hóa độ là khiến cho đạt được quả. Sau là trong giải thích, trước nêu ra vì sao không mong cầu yên ổn cho mình, mà chỉ vì lợi ích cho chúng sinh? Giải thích rằng: Pháp của tất cả chư Phật như vậy, là nêu ra Phật giống như mình. Sau là làm sáng tỏ mình giống với Phật, trong đó một là tâm hóa độ giống nhau, hai từ “Dục linh...” trở xuống là lợi ích hóa độ giống nhau.

***Trong Hạnh thứ chín là Thiện pháp, đưa ra bảy môn:***

Một, Dùng trí lực khéo léo có được thuyết pháp cho căn cơ mà gọi tên.

Hai, Ý đưa ra, Đại nguyện dần dần thanh tịnh tăng lên thành tự Lực độ, lại v.v...

Ba, Thể tánh, lại dựa vào Nhiếp Luận dùng Hậu đắc trí, Đại Bi vô biên trí, có năng lực làm Thể.

Bốn, Nghiệp dụng, dựa vào Nhiếp Luận có hai loại: 1) Lực của tư duy chọn lựa, có năng lực làm cho chướng ngại đã đối trị phải khuất phục như tất cả Chánh hạnh, khiến cho không khởi lên. 2) Lực của tu tập, có năng lực làm cho tất cả thiện hạnh kiên cố quyết định.

Năm, Chủng loại, hoặc là hai Lực như trước, lại có mười loại nói như từ đầu đến cuối.

Sáu, Sai biệt, phần vị này vốn giống như Vô ngại biện lực của Địa thứ chín. Bởi vì dựa theo Viên giáo, phần vị này sau khi đầy đủ thì liền thành Phật không cần gì khác, trong văn hiển bày về điều này có thể thấy.

Bảy, Trong giải thích văn có bốn: 1) Nêu ra; 2) Phân rõ; 3) Kết luận; 4) Ca ngợi.

*Trong phần hai phân rõ về tướng, có hai:* Trước là hạnh thuộc Tự phần, sau là hạnh thuộc Thắng tiến.

*Trong phần trước:* Đây là tổng quát hiển bày về tướng ấy có ba câu: a) Dùng pháp làm lợi ích cho căn cơ, nghĩa là có thể dùng pháp thanh tịnh để loại trừ phiền não bức bách chúng sinh, gọi là hồ giáo pháp trong lành; b) Hoằng dương Chánh pháp, nghĩa là dùng chí nguyện

rộng lớn duy trì thuyết giảng về Chánh pháp, gọi là giữ gìn bảo vệ; c) Lợi ích của hoàng pháp, nghĩa là dùng mười thân trải qua nhiều kiếp thuyết giảng hóa độ không ngừng, gọi là Phật chủng không đoạn mất. Vì vậy trong Trí Luận nói: “Làm cho Bát-nhã lưu hành ở thế gian, thì Phật chủng này không đoạn mất.” Là nói đến điều này.

Những điều này cũng là sơ lược hiển bày về tên gọi của hạnh Thiện pháp. Trong phần sau là riêng biệt phân rõ, có bốn: a) Trì thành tựu; b) Thuyết thành tựu; c) Vấn đáp thành tựu; d) Ngữ ích thành tựu.

Trong phần a nhờ vào giữ gìn pháp không quên mới có thể thuyết giảng rộng ra, cho nên trước là trình bày về điều này. Trong mười loại đều đầu là trình bày về Thể của Trì, sau là hiển bày về Dụng của Nghiệp. Bởi vì giữ gìn pháp rõ ràng cho nên nói là thanh tịnh, dựa vào đây thuyết pháp cho nên không có chướng ngại, đây là câu tổng quát. Chín câu còn lại là riêng biệt: Một là bốn Trì khởi lên bốn Biện. Năm là do hạnh tiến vào cảnh Phật, chư Phật thuyết cho nghe về Nhất thiết trí, dùng pháp Cam lộ rưới vào đỉnh tâm ấy, giữ gìn pháp này không quên, thuyết giảng hợp với căn cơ chúng sinh, do đó làm cho hoan hỷ. Sáu là do bên trong tự chứng pháp cho nên phát khởi biện luận vô tận giống như Chứng. Bảy là do biện luận giống như lý tiến vào cho nên văn nghĩa thuyết ra rộng nhiều vô tận. Tám là do phương ngữ chính xác khéo léo, cho nên có thể phân ra bàn luận khác nhau. Cùng với trước sai khác thế nào? Trước dựa vào lời nói tròn vẹn-ý nghĩa đầy đủ cho nên gọi là Chánh ngữ, lại là lời nói ngay nơi nghĩa ấy, cho nên khác với ở đây. Chín là có năng lực hiện thân giống như Phật, ca ngợi không thể cùng tận. Sau là hiển bày về Dụng của Nghiệp, có thể biết.

Trong phần b từ “Tùy sở ứng hóa...” trở xuống là trình bày về Thuyết thành tựu, có hai: Một là chính thức hiển bày về tướng Thuyết; hai từ “Tùy sở ứng ư nhất nhất...” trở xuống là trình bày về mở đầu giáo hóa vô ngại.

*Trong phần một:* Đầu là trình bày về cơ đã ứng, có ba câu: 1) Tùy theo nhiều căn cơ mà giáo hóa thuần thực; 2) Tất cả đều dùng căn cơ ấy mà hiểu rõ ngôn ngữ âm thanh; 3) Tùy theo căn cơ ấy thích hợp mà nghe sai biệt, sau mới chính thức tuyên thuyết cho nghe, thuyết giảng hợp với tâm giáo hóa gọi là không trái với Bi.

*Trong phần hai là mở đầu giáo hóa vô ngại:* 1) Nhiều âm thanh mở đầu giáo hóa không có chướng ngại; 2) Từ “Thiết hữu...” trở xuống là dùng một âm thanh mở đầu giáo hóa tự tại vô ngại. Lại trước là một

trong nhiều, sau là nhiều trong một, hai loại này vô ngại là một âm thanh tròn vẹn.

Trong phần c từ “Nhĩ thời...” trở xuống là trình bày về Vấn đáp thành tựu, có bốn nghĩa vi tế hơn Thuyết thành tựu trước đây: 1) Trước chỉ nói đến thế giới mà chưa hiển bày về tự tại ở nơi vi tế, ban đầu tạm thời nêu ra, trong này đầu một mảy lông trong một niệm có vô lượng chúng; 2) Một niệm tương tự niệm khác cho đến tất cả kiếp quá khứ-vị lai; 3) Nói khác nhau-hỏi khác nhau; 4) Lời nói của Bồ-tát không sợ hãi gì, giả sử tất cả chúng sinh hỏi thì hãy còn giải đáp một lời, huống là một ít chúng sinh này mà lại dùng nhiều lời? Đây là trình bày về Trí lực biện tài có thừa tự tại, tự tại này thuộc về Địa tiền. Đạt được Trí lực tự tại này là phần vị Phổ Hiền trong Viên giáo, nếu như Tông khác thì chưa hẳn có thể như vậy, nói như luận Du-già...

Trong phần d là Ngũ ích thành tựu, hiển bày những lời đã nói trên đây có đủ năm câu về ý nghĩa lợi ích: 1) Câu đầu là tổng quát; 2) Lời nói có đủ Tuệ sâu xa; 3) Có thể thành tựu kho tàng của phước, nghĩa là thọ trì sinh ra phước; 4) Soi chiếu lý đầy đủ tất cả; 5-Có thể thành tựu về trí thuộc quả.

*Trong phần sau là hạnh thuộc Thắng tiến, có hai:* Trước là tổng quát nêu ra, sau từ “Như thử...” trở xuống là riêng biệt giải thích.

*Trong phần trước:* Đầu là nhắc lại phần trước, nghĩa là hạnh thuộc Tự phần thành tựu cho nên nói là an trú, giống như phần An trú địa trong Sơ địa sau này; tiếp là nêu ra hai Chương về hai Lợi.

*Trong phần sau là giải thích, có hai:* Trước là tóm lược, sau từ “Phật tử...” trở xuống là mở rộng.

*Trong phần trước:* Trước là giải thích về tự mình thanh tịnh, trong Tự phần trước đây chỉ nói hiện rõ ba nghiệp của Phật ở ba ngàn thế giới, nay hiển bày vượt qua số ấy cho nên nói là như ba ngàn thế giới cho đến Bất khả xưng số thế giới. Thân-khẩu có thể biết. Vô ngại đối với tất cả các pháp là trình bày về ý nghiệp thanh tịnh, làm Phật sự là trình bày về những việc đã làm của ba nghiệp này. Sau là giải thích về lợi ích, Tha nghĩa là ba nghiệp tự mình thanh tịnh trước đây có thể làm sự việc hóa độ người khác.

*Trong phần sau là mở rộng giải thích, có hai:* Trước là mở rộng về tự mình thanh tịnh trước đây, sau từ “Ma-ha-tát...” trở xuống là mở rộng về Lợi tha trước đây.

*Trong phần trước:* Một là nêu ra số; hai là riêng biệt giải thích về mười thân đưa ra năm môn:

1) Phân rõ về Thể tánh, dùng ba pháp là Pháp giới thanh tịnh và Căn bản trí cùng với Hậu đắc trí làm Thể, như văn có thể thấy. Lại tổng quát chỉ riêng Cảnh-Trí làm Tánh, lại Cảnh-Trí cùng dung hòa chỉ một pháp giới làm Tánh.

2) Giải thích về Tướng, mỗi một thân đều trước là nêu ra-sau là giải thích. Trong một, lý không có gì không Chứng cho nên tiến vào vô biên pháp giới, thời gian(Thế) không lúc nào không vượt lên trên cho nên diệt tất cả thời gian, thời gian diệt-ly hiện bày là thân Pháp giới thân. Hai, lý không có thể vướng mắc cho nên hưởng về đời vị lai, không nơi nào không sinh cho nên sinh ở tất cả các nẻo, trước thì vượt lên trên thời gian khiến cho tận cùng, ở đây thì tất cả thời gian cùng sinh. Ba, tuy cùng sinh ở tất cả các nẻo nhưng trú trong vắng lặng bất động cho nên nói là không sinh. Bốn, tuy ngay nơi sinh mà không sinh, nhưng trong nẻo ấy thân luôn luôn không diệt, đây là không khác không sinh mà không diệt, lời nói không đạt tới cho nên nói là đoạn tuyệt lộ trình của ngôn ngữ (ngôn ngữ đạo đoạn). Năm, thân lìa xa ngôn ngữ ấy không có hình dáng thật, bởi vì vốn là chân như; lại giải thích là lấy chân như làm thân, nhưng chân lìa xa tướng cho nên nói là không thật, bởi vì là lý tánh chân thật cho nên lìa xa thật. Sáu, lìa xa ngu si là Thể ra khỏi vọng nhiễm, tùy theo thích ứng là Dụng thanh tịnh vô ngại, như Dụng tự tại của mặt trời mọc chiếu rọi mây. Bảy, tuy khởi lên tác dụng thích ứng mà thường lìa xa cái chết không có đến-đi, như vậy giải thích về thành tựu, dựa theo đây nhất định ra khỏi Phần đoạn sinh tử. Tám, không phải chỉ là Dụng không có đến-đi, mà cũng là Thể không có biến hoại, cũng là duyên không có thể ngăn cản. Chín, không phải là dứt khoát không bị bốn tướng làm cho thay đổi, mà cũng là khéo đoạn tuyệt ba đời, cho nên không thể dùng ngôn từ như quá khứ-vị lai... mà đạt được. Mười, Vô tướng không ngăn ngại Tướng, bởi vì tất cả Danh Thân đều có nghĩa về nương tựa.

3) Thân nhiếp lẫn nhau có hai môn: Một- Dựa theo ba thân, nghĩa là trong này Nhất tướng pháp giới-không thật-không hoại, bốn loại này là Pháp thân; Vô tướng không sinh-không diệt-không có đến-không có đi, bốn loại này là Thật Báo thân; vị lai-lìa vọng, hai loại này là Hóa thân. Hai- Dựa theo mười thân có ba: a) Dựa theo phẩm Ly Thế Gian sau này nói về mười thân v.v... b) Dựa theo mười thân trong kinh Thắng Thiên Vương v.v... c) Dựa theo mười thân trong kinh Pháp Tập v.v...

4) Nơi đạt được có bốn phần vị: Một, Hoặc là chỉ Địa thượng đạt được, như mười thân trong kinh Thắng Thiên Vương và kinh Pháp Tập,



đây là dựa theo Tam thừa phân rõ. Hai-Hoặc là chỉ Địa tiền đạt được, như ở đây đã nói. Ba-Hoặc là cả hai nơi đạt được, như mười thân trong phẩm Ly Thế Gian sau này. Bốn-Hoặc không phải là Địa tiền-không phải là Địa thượng đạt được, như ba thân mười Phật đều đạt được ở phần vị của quả.

5) Xác định phạm vi giới hạn, nếu trong Tam thừa thì Bồ-tát Địa tiền chắc chắn là thân Phần đoạn, Địa thượng còn có thân Biến dịch thân, ngoài ra Hồi tâm Nhị thừa-Địa tiền cũng có, vì vậy mười thân này không phải là nơi ấy thâm nhiếp. Nếu trong Nhất thừa thì có hai cách nói, nếu nói phương tiện thâm nhiếp thì Địa tiền-Địa thượng đều có thân Biến dịch, bởi vì mỗi một phần vị cuối cùng đến Phật địa; nếu dựa vào Tự giáo mà nói thì đều là thân Phần đoạn, bởi vì Nhục nhãn có thể thấy khắp nơi lưới báu sáng ngời của Chuyển Luân Thánh Vương đều là Bồ-tát Thập Địa, như văn sau nói. Lại như Đồng tử Thiện Tài dùng thân Phần đoạn mà đến phần vị Phổ Hiền, nhưng đều là dựa vào pháp môn Phần đoạn cho nên không phải là sai lầm.

*Phần sau là mở rộng về Lợi tha trước đây:* Đây là nhắc lại phần trước sinh khởi phần sau, đó là dựa vào mười thân này để cảm hóa dẫn dắt chúng sinh. Sau là câu riêng biệt có mười: Một là phát sinh điều thiện, hai là lìa xa đau khổ, ba là trú trong an vui; ba câu trên đây là lợi ích thuộc thế gian. Bốn là chỉ rõ cho họ con đường thoát ra, năm là khiến cho họ hưởng đến tiến vào, sáu là khiến cho hiểu về Tục đế, bảy là khiến cho đạt được Chân đế, tám là khiến cho họ đoạn trừ phiền não, chín là khiến cho thành tựu phần vị của nhân, mười là nêu ra quả khiến cho hưởng về.

*Trong phần bốn là ca ngợi:* Trước làm hồ trong lành là tổng quát ca ngợi, sau đạt được ngọn nguồn của Phật pháp là giải thích về nguyên cơ có thể làm hồ giáo pháp. Lại đây là kết luận ca ngợi về Tự phần trước đây, sau là kết luận ca ngợi về Thắng tiến.

***Trong Hạnh thứ mười là Chân thật,*** cũng đưa ra bảy môn:

Một, Giải thích tên gọi, dựa vào lời nói-dựa vào việc làm, thành tựu đức xứng với lời nói và việc làm không hư giả, cho nên nói là chân thật. Chân thật tức là hạnh, trì nghiệp mà được tên gọi.

Hai, Theo thứ tự, năng lực thực hành càng thêm thù thắng mà tiến vào Thật trí.

Ba, Thể tánh, lấy Dụng của Hậu đắc trí làm tánh, bao gồm cả Đại Bi...

Bốn, Nghiệp dụng, theo Lương Nhiếp Luận không trú trong sinh

tử và Niết-bàn là Dụng của Trí, lợi ích Thánh phàm là do Trí mà thành tựu sự việc.

Năm, Chủng loại có hai: 1-Trí soi chiếu căn cơ chúng sinh, 2-Trí trao cho thuốc pháp. Lại có mười trí như văn sau nói.

Sáu, Đã thành tựu, bởi vì phần vị này giống như tướng đầy đủ của Địa thứ mười sau này, cho nên tăng thượng về Trí Ba-la-mật. Tất cả Hạnh khác đều đầy đủ, cho nên phần vị này đầy đủ công hạnh rồi tiến vào cảnh giới vô biên của Phổ Hiền, do đó văn sau nói: Tiến vào pháp giới Nhân-đà-la võng, tự tại thành tựu Vô ngại giải thoát của Như Lai...

Bảy, Trong giải thích văn cũng có bốn: 1) Nêu ra; 2) Giải thích; 3) Kết luận; 4) Ca ngợi.

*Trong giải thích có ba:* Một, Nêu ra lời thề ban đầu; Hai, Từ “Thử Bồ-tát...” trở xuống là dựa vào lời nói thành tựu công hạnh; Ba, Từ “Đắc nhất thiết pháp...” trở xuống là công hạnh thành tựu thì đức thiết lập. Lại một là lời nói thật, hai là công hạnh thật, ba là lợi ích thật. Trong phần một cũng có ba: a) Tổng quát nêu ra; b) Sơ lược giải thích; c) Từ “Thử Bồ-tát thành tựu...” trở xuống là nêu ra sự mở rộng giải thích.

*Trong phần a:* Như thuyết giảng có thể thực hành, nghĩa là thực hành phù hợp với lời thề ban đầu mà thành tựu, hiển bày về lời nói thật trước đây. Như thực hành có thể thuyết giảng, là lời nói phù hợp cuối cùng thực hành thành tựu, hiển bày lời nói thật sau này. Bởi vì lời nói này chân thật trước sau không hai, cho nên gọi là lời nói chân thành bậc nhất. Như vậy hai lời nói thành thật trước sau, tổng quát có ba loại:

1) Dựa theo Tự hành, như Bồ-tát ban đầu thề rằng bố thí đôi mắt, nếu có người cầu xin đến thì như lời nói mà bố thí, có hỏi về nguyên cơ thì đáp là vì Bồ-đề. Lời này lấy gì chứng minh? Liên phát lời thề rằng: Nếu sự việc không hư dối thì khiến cho đôi mắt bình phục, biểu hiện không phải là lời nói dối. Đôi mắt thuận theo lời nói mà bình phục. Đây là lời nói ban đầu có thể phát khởi thực hành, lời nói sau có thể tăng thêm công hạnh.

2) Dựa theo hạnh Lợi tha, như Bồ-tát ban đầu thề cứu độ chúng sinh thì như lời nói mà cứu độ, cho dù Tự hành đầy đủ cũng không đến quả, mà cần phải xứng với lời thề ban đầu để tận cùng chúng sinh giới. Đây cũng là lời nói ban đầu có thể phát khởi, lời nói sau có thể đầy đủ.

3) Dựa theo nhân quả, nghĩa là như Bồ-tát ban đầu phát ra lời thành thật, cần phải tu vạn hạnh để được thành tựu quả Phật, như lời nói

sau khi thực hành đầy đủ thì thành tựu quả Phật, Sư Tử gầm lên rằng: Ta là tôn quý nhất... Đây tức là lời nói ban đầu phân rõ về nhân, lời nói sau hiển bày về quả. Sau nói Đại Sư Tử hống uy hùng giữa loài người..., chính là môn này. Trong ba nghĩa trên, ở trong hạnh này đầy đủ tất cả ba nghĩa, vẫn chỉ có hai nghĩa sau, có thể biết.

*Trong phần b là sơ lược giải thích, có hai câu:* Câu đầu giải thích về như thuyết giảng có thể thực hành, nghĩa là như lời nói phát khởi thực hành cho nên nói là thật ngữ, chứng nhập Thật tánh bình đẳng của chư Phật, phát khởi tiến vào Lý hành, thiện căn như nhau phát khởi duyên với Sự hành. Câu hai là giải thích về như thực hành có thể thuyết giảng, nghĩa là tuy thành tựu nhiều pháp thiện mà không trái với chí nguyện hóa độ, không thay đổi lời nói trước kia cho nên không có hai lời. Bởi vì cuối cùng không khác bắt đầu cho nên gọi là không hai, đây chính là ban đầu có thể thực hành cho nên chân thật, sau cuối không khác cho nên không hai. Đây đều là cùng thực hành thuận theo trí thuộc quả Phật của ba đời chư Phật, cho nên nói tùy thuận...

*Trong phần c là mở rộng giải thích, có hai:* Một là hạnh đức tuy cao mà không rời bỏ lời thề ban đầu; hai từ “Hà dĩ cố...” trở xuống là giải thích về ý không rời bỏ.

*Trong phần một:* Trước là thành tựu trí thuộc Thập Lực hiển bày về đức tôn quý cao vời; sau từ “Nhi bất xả...” trở xuống là trình bày về không rời bỏ lời thề ban đầu cứu giúp thân nghiệp chúng sinh. Nghĩa về Thập Lực là hạnh của Bồ-tát, như ở phẩm Tịnh Hạnh đã giải thích. Kinh Tịnh Danh nói: “Tuy đạt được Phật đạo, chuyển vận Pháp luân, nhập Niết-bàn, mà không rời bỏ đạo của Bồ-tát, là hạnh của Bồ-tát.

*Trong phần hai là giải thích về ý, có ba:* 1) Giải thích ngược lại, đó là nêu ra sai lầm, làm trái lời thề tự khuyên nhủ mình không nên. 2) Từ “Ngã đương...” trở xuống là giải thích thuận theo, đó là thực hiện thành tựu bốn nguyện theo lý tự nhiên thông suốt. 3) Từ “Hà dĩ...” trở xuống là giải thích xoay vòng, đó là nhớ lại ý niệm ban đầu nay làm cho tâm hăng hái mạnh mẽ. Trong đó có hai: a) Nhớ lại ban đầu, đó là lời nói phát ra từ bên trong, lẽ nào lại tự quên mất hay sao? Điều này sợ rằng sai lầm làm trái lời thề ban đầu; b) Từ “Thị cố...” trở xuống là nghĩ đến hôm nay, đó là do mình vì người chứ không phải là người khác đã cầu thỉnh mà có thể bỏ dỡ, vì vậy khiến cho đức của mình thành tựu thù thắng. Nay nếu rời bỏ cứu giúp thì trái với đức này, điều này sợ rằng sai lầm làm trái với đức hiện có, nhờ vào trước phát khởi sau, cho nên nói là vì thế cho nên.

**Lại giải thích:** Mình đối với chúng sinh thì có đức thù thắng, có thể cứu độ cho chúng sinh, nếu rời bỏ không không cứu độ thì trái với đức này. Trong đó có sáu câu, đều trước là nêu ra-sau là giải thích: Một, không đấm trước cho nên thù thắng; hai, có thể điều phục cho nên lên cao; ba, hiểu rõ về Không mà lìa xa tầm tối; bốn, nguyện đầy đủ đã đạt được; năm, có đủ đức có thể thay đổi; sáu, nghĩ đến Phật có thể thâm nhiếp.

Trên đây là thành lập Bốn thế, hiển bày không thể nào làm trái.

Từ đây trở xuống là phần hai, dựa vào lời thề ban đầu mà thành tựu công hạnh giáo hóa, trong đó có ba câu: 1) Do không rời bỏ lời thề trước đây mà đạt được trí tuệ Vô thượng cứu độ chúng sinh này; 2) Từ “Tùy nhất thiết...” trở xuống là chính thức trình bày về cứu độ; 3) Tùy theo những chúng sinh ấy là trình bày về thành tựu đầy đủ Bốn nguyện, nghĩa là như lời nói mà thực hiện thì không có gì không đến cuối cùng, cho nên nói là đã đầy đủ.

Từ đây trở xuống là phần ba, công hạnh thành tựu thì đức thiết lập, nghĩa là phần vị này thành tựu đầy đủ đức tròn vẹn sáng ngời tự tại của pháp giới Phổ Hiền. Trong đó có hai: Trước là thành tựu đầy đủ về nhân, sau từ “Ma-ha-tát trú Đại Bi...” trở xuống là trình bày thành tựu đầy đủ công đức về quả.

*Trong phần trước có ba:* 1) Nêu ra hai Lợi; 2) Giải thích hiển bày về thành tựu đầy đủ; 3) Từ “Thử Bồ-tát nghĩa thân...” trở xuống là kết luận về đức vô tận.

Trong phần một, đạt được trí tự tại là nêu rõ Tự hành đầy đủ, làm cho chúng sinh thanh tịnh là nêu rõ Lợi tha tròn vẹn.

*Trong phần hai là riêng biệt giải thích, có hai:* Một là hiển bày về tự tại trước đây cũng có hai: a) Trình bày về thân không có nơi nào không đến giống như hư không pháp giới, vô lượng vô ngại là trình bày về hiện rõ ở một nơi tức là hiện rõ ở tất cả mọi nơi, không có chỗ dựa là trình bày về thân phát khởi không có nguồn gốc cho nên được tự tại. b) Trình bày bên trong thân chứa đựng tất cả không có gì không dung nạp, nghĩa là tất cả ba thế gian đều hiện rõ ở trong thân, bởi vì thân pháp giới này dọc thì hàm chứa ba phần vị, ngang thì bao gồm chín đời, cho nên chư Phật vị lai cũng hiện rõ trong đó.

Hai từ “Thử Bồ-tát...” trở xuống là hiển bày về làm cho chúng sinh thanh tịnh trước đây, trong đó có ba: a) Nhận biết căn khí hóa độ; b) Từ “Tùy kỳ...” trở xuống là hiện thân thuyết pháp, cũng là chúng sinh hóa hiện ở trong thân mình; c-Đối với hóa độ không đấm trước, nghĩa là

dùng các pháp huyền ảo hóa độ chúng sinh trong mộng, vì vậy tuy hóa độ nhưng luôn luôn là không có hóa độ.

*Trong phần ba là kết luận về đức vô tận, có hai:* Một là do bên ngoài hóa độ đầy đủ trước đây hiển bày về Lượng trí vô tận; hai từ “Nhập chư Tam-muội...” trở xuống là nhờ vào nhân hạnh tròn vẹn hiển bày về Lý-Trí không hai, chúng sinh dựa vào hai pháp này là nêu ra phạm để hiển bày về Thánh. Trên đây là phần đức thuộc về nhân, giống như phần vị Đẳng Giác. Trong luận Trí Độ quyển thứ 40 nói: “Lại nữa, Bồ-tát Thập Trú so với Phật không có gì sai biệt, như Biến Cát-Văn Thù Sư Lợi-Quán Thế Âm..., đầy đủ những công đức như Thập Lực... của Phật mà không làm Phật, bởi vì cứu độ nhiều chúng sinh.” Cho đến nói: “Các Bồ-tát này đối với Bồ-tát khác là lớn nhưng so với Phật thì không có thể nhận biết tất cả, như ánh sáng của mặt trăng tuy lớn nhưng so với mặt trời thì không hiện rõ được.” Giải thích rằng: Luận ấy dựa theo Thập Địa để nói về Thập Trú, là Địa thứ mười, giống như Dụng của nghiệp trong Hạnh thứ mười.

*Trong phần sau là giống như Dụng của đức thuộc về quả:* Một-Nhắc lại phần trước phát khởi phần sau; hai-Từ “Đắc Phật...” trở xuống là chính thức hiển bày về đã thành tựu, đây là giống như phần vị Diệu Giác.

*Trong văn bao gồm thành tựu về trí thuộc mười loại công đức của Như Lai:* 1) Trí đạt được Thập Lực viên minh của Phật; 2) Trí tiến vào pháp giới Đế võng; 3) Trí thành tựu Giải thoát vô ngại của Phật, đó là Bất tư nghị giải thoát, như phẩm Bất Tư Nghị nói có mười loại; 4) Trí thành tựu Vô úy hùng mạnh giữa loài người, đó vốn là Thật đức của Sư Tử hống; 5) Trí đạt được chuyển Đại pháp luân, đó vốn là Pháp Vương thuyết pháp; 6) Trí thành tựu Vô ngại của Phật, hiển bày về không còn Vô minh vi tế làm trở ngại; 7) Từ “Tuyệt sinh tử...” trở xuống là trí thành tựu Vô cấu của Phật, hiển bày về không còn Vô minh vi tế đấm trước, cũng hiển bày về xứ sở của Biến dịch không còn; 8) Trí làm nhiều lợi ích cho chúng sinh; 9) Trí phát khởi hộ trì Chánh pháp; 10) Trí không dụng công nhiếp hóa, đó là có thể hoàn toàn giống như phương tiện nhiếp hóa của Cổ Phật.

Sau là phần ba phần bốn là kết luận và ca ngợi, có thể biết.

Trên đây là phần Chánh thuyết, xong.

Từ đây trở xuống là phần thứ hai trình bày về lợi ích riêng biệt của thuyết giảng, có hai: Một, Mặt đất rung động là công đức của sinh Tín, hai-Rưới mưa cúng dường... là công đức của kính trọng, có bốn: 1)

Rưới mưa cúng dường; 2) Trỗi nhạc tấu khúc về Thập Hạnh; 3) Trời tỏa ánh sáng; 4) Tiếng trời ca ngợi công đức của Thập Hạnh.

Toàn bộ trên đây là nói về Thập Hạnh trong một thế giới, xong.

Từ đây trở xuống là đoạn lớn thứ hai trình bày về Thập Hạnh đã nói trong vô tận thế giới khắp mười phương, cúng dường... cũng như vậy, cùng với nơi này hoàn toàn như nhau, hợp lại làm thành một Bộ, nghĩa là một Thập Hạnh vốn chính là tất cả Thập Hạnh.

Trên đây là một thuyết giảng tức là tất cả thuyết giảng, tổng quát trình bày về phần Thuyết giảng, xong.

Từ đây trở xuống là phần sáu trình bày về phần Chứng thành, trong đó có hai: Đầu là trình bày về Chứng ở xứ này, sau là trình bày về Chứng ở tất cả các xứ.

*Trong phần đầu có bốn:* Một là trình bày về Bồ-tát đến quy tụ; hai là ca ngợi về pháp đã thuyết giảng; ba là đều đưa ra sự việc về Chứng; bốn từ “Thị cố...” trở xuống là thuật lại ý thành tựu về Chứng.

Hỏi: Đã nhờ vào hành pháp viên dung khiến cho chư Phật và thế giới của Bồ-tát ấy cùng tên gọi Công Đức, vì sao Phật ở nơi này và thế giới không gọi là Công Đức?

Đáp: Trong kinh này tất cả thụ động Chứng thấy đều như nhau là Phật Lô-xá-na, thế giới như nhau là Ta-bà thuộc Hoa Tạng, Bồ-tát thuyết pháp ấy tức là từ pháp mà được tên gọi; tất cả chủ động Chứng tất nhiên cùng tên gọi của pháp, bởi vì chủ-bạn khác nhau. Nếu ở nơi này hưởng về nơi kia thì nơi này là chủ động Chứng, tức là tên gọi nơi này giống như nơi kia, tên gọi nơi kia giống như nơi này, quả là trong kinh này quán xét thể lệ rộng lớn đến mức trở thành như vậy.

Trên đây là mười phương đều có mười vạn quốc độ cùng thuyết về Thập Hạnh, toàn bộ thuộc về bạn của một chủ này, hãy còn tự mình không phải là chủ thân nhiếp mười phương, vì vậy về sau lại kết hợp với mười phương, trình bày về tất cả các xứ cùng Chứng.

Trên đây là một Chứng thì tất cả đều Chứng, tổng quát trình bày về phần Chứng Thuyết, xong.

*Trong phần bảy là phần Trùng tụng, có hai:* Trước là thuật về ý, sau là chính thức tụng. Trong phần trước, câu riêng biệt có mười: 1) Quán sát mười phương hiển bày về cùng thuyết giảng; 2) Từ “Quán quyển thuộc linh đồng văn...” trở xuống là chính thức hiển bày về ý thuyết giảng; 3) Vì làm cho quả tiếp nối; 4) Vì làm cho nhân thanh tịnh; 5) Nguyện kiên cố; 6) Hạnh nối tiếp. Trên đây là Tự phần. 7) Thắng tiến thân nhiếp Phật. Trên đây là đức thuộc Tự phần, sau là trình bày

về Lợi tha. 8) Thuyết về Thập Hạnh do thiện căn sai biệt của chúng sinh, khiến cho chúng sinh luyện tập học hỏi; 9) Tùy theo căn khí trao cho pháp; 10) Tổng quát để kết luận. Những câu trên đều dựa theo phần Nhân mà nói, cho nên cùng gọi là Chung, lại vốn là phần vị của chủng tánh.

Trong phần chính thức trùng tụng, bảy chữ-năm chữ trong Phạm bản không có sai khác, đều dùng bốn câu làm một tụng, tổng cộng có 101 kệ mà thôi. Trong này, kệ tụng cùng với trường hàng trước đây có trạng thái văn không như nhau, sơ lược luận về năm trường hợp:

1) Trước thì dựa theo phần vị từ đầu đến cuối trải rộng ra mà nói, nay thì tụ lại dung hòa với trước mà nói khiến cho không còn đầu cuối, vì vậy trong mỗi một hạnh có đủ tất cả các hạnh.

2) Trước dựa theo hành riêng biệt, ở đây trình bày về hành rộng khắp, bởi vì hai văn rộng khắp và riêng biệt vô ngại hiển bày lẫn nhau.

3) Trước chỉ dựa theo nhân, ở đây gồm chung hành của quả, bởi vì nhân quả viên dung là pháp môn Pháp giới của hạnh này.

4) Trước dựa theo Đồng giáo thâm nhiếp căn bậc Trung ấy, nay hiển bày về Biệt giáo phủ khắp căn thông hiểu bậc Thượng này, bởi vì Đồng-Biệt vô ngại vốn là một Viên giáo.

5) Trước dựa theo biện tài không xen tạp, ở đây dựa theo biện tài tùy ý, thuyết giảng không cần thứ tự, ngôn từ không gián đoạn.

Trong văn có hai: Một, Có năm kệ ca ngợi công đức của Phật khiến cho người nguyện cầu; Hai, Từ “Thập phương nhất thiết...” trở xuống là tụng về hạnh của Bồ-tát khiến cho người luyện tập học hỏi, hiển bày trong phần vị này vốn có đủ hai hạnh thuộc nhân quả. Lại là do Phật gia hộ mà thuyết giảng, cho nên trước là ca ngợi Phật do hạnh mà thuyết giảng, sau là tụng về hạnh.

*Trong phần một có hai:*

1) Hai tụng ca ngợi Phật Lô-xá-na, vốn là Hóa chủ nơi này. Trong đó đầu là một kệ ca ngợi về trí Vô cấu-Vô quái ngại của Phật; tiếp là hai câu ca ngợi về đức thù thắng rộng lớn của Phật; sau cuối là hai câu ca ngợi Phật chứng hạnh tròn vẹn thanh tịnh.

2) Ca ngợi chư Phật mười phương, bởi vì là giúp đỡ gia hộ. Trong đó đầu là một kệ hiển bày về quả đầy đủ hai trang nghiêm, nghĩa là Giải chân thật-Tuệ sâu xa, phước thù thắng không gì sánh bằng, quả đầy đủ nhanh chóng đến cùng; tiếp là một kệ về Bi chân thật làm lợi ích rộng rãi; sau cùng là một kệ hiển bày về Trí đức và Đoạn đức bằng

nhau.

*Trong phần hai là tụng về hạnh của Bồ-tát, có ba:* 1) Sáu kệ bảy chữ tụng về hạnh nghiệp không nghĩ bàn, rộng lớn như pháp giới, cứu cánh như hư không trong phần Căn bản trước đây; 2) Từ “Cú cú quảng phân biệt...” trở xuống tụng về Thập Hạnh sai biệt trong phần Thuyết giảng trước đây; 3) Bốn kệ cuối cùng là kết luận ca ngợi hiển bày về thù thắng.

Trong phần một là sáu kệ hiển bày về sáu loại hạnh nghiệp đều không thể nghĩ bàn: Một kệ đầu là hạnh về thấy Phật lìa xa hư vọng; hai là hạnh về thấy lý thành tựu đức; ba là hạnh về không dụng công rộng lớn; bốn là hạnh về Tịch-Dụng vô ngại; năm là hạnh về Nguyện kiên cố tôn quý thù thắng; sáu là hạnh về thâm nhiếp phần vị nhiều môn hạnh; đều là một kệ tụng hiển bày có thể biết.

*Trong phần hai là tụng về mười hạnh trước đây:* Đầu là một kệ tổng quát nói về mười hạnh. Sau là trong hiển bày riêng biệt:

Thứ nhất có sáu kệ tụng về hạnh Hoan Hỷ, trong đó: Đầu là ba kệ về Vô úy thí, một là lìa bỏ giết hại làm lợi ích cho chúng sinh, hai là cứu giúp nghèo khổ khiến cho yên vui, ba là lời nói và ý nghĩ chịu đựng phiền muộn. Tiếp là hai kệ về Pháp thí, một là suy xét nghĩa lý, hai là giảng giải khuyến dạy. Sau là một kệ về Tài thí. Trăm phước, trong kinh Niết Bàn nói: “Năm phẩm Hạ-Trung-Thượng-Thượng Trung-Thượng Thượng trong tâm đều tu mười thiện, thì trở thành 50, bắt đầu tu là 50, tu đến cuối cùng cũng như vậy, cho nên có 100 phước, 100 phước trang nghiêm một tướng.”

Thứ hai từ “Thiện nhập...” trở xuống có năm kệ tụng về hạnh nhiều ích, trong đó: Đầu là 1 kệ tụng về Luật nghi giới, đó là lỗi lầm không thể nào lay động. Tiếp là hai kệ tụng về Nhiếp thiện pháp giới, một là thuận theo pháp hành, hai là lìa xa hai hành. Tiếp là một kệ rưới tụng về Nhiếp chúng sinh giới, một là nơi giáo hóa, nửa kệ là hạnh giáo hóa. Sau cuối là nửa kệ tổng quát kết luận về ba Tụ.

Thứ ba từ “Trí tuệ bất khả lượng...” trở xuống có bốn kệ tụng về hạnh không sân hận, trong đó: Đầu là một kệ về Nhẫn nại tư duy pháp hiểu biết thù thắng. Tiếp là hai kệ về Nhẫn nại yên tâm chịu đựng khổ sở, đó là lúc tự mình tu hành có những khổ đau có thể chịu được; một là Nhẫn nại nổi khổ của tâm, nửa kệ trước nêu ra pháp đã tu, tâm không lười nhác là trình bày về Nhẫn nại làm cho tâm yên ổn; hai là Nhẫn nại nổi khổ của thân, cũng nửa kệ trước nêu ra pháp đã tu, thân thực hành không trở ngại là trình bày về Nhẫn nại làm cho thân yên ổn. Tiếp là



một kệ về Nhẫn nại người khác không làm lợi ích, nửa kệ trước nêu ra cảnh đã Nhẫn nại, Bồ-tát đều cứu giúp là nêu ra lợi ích trở thành có hại chính thức trình bày về có năng lực Nhẫn nại.

Thứ tư từ “Tu tập Phật pháp...” trở xuống có năm kệ tụng về hạnh Vô tận, trong đó: Đầu là hai kệ về Gia hạnh tinh tiến, một là tụng về mười câu như chịu khó tu tinh tiến... trước đây, hai là tụng về muốn biết rõ Căn-Dục-Tánh... của chúng sinh cho nên tu hành tinh tiến trước đây. Tiếp là một kệ về Bị giấp tinh tiến, tụng về vì chúng sinh nhận chịu khổ đau của địa ngục... trước đây. Sau là hai kệ về Vô yếm túc tinh tiến, một là ánh sáng trí tuệ làm lợi ích cho tất cả chúng sinh, hai là thần lực thường làm lợi ích cho chúng sinh mà không hề đầy đủ.

Thứ năm “Thiện giải...” trở xuống có hai kệ tụng về hạnh lìa xa si loạn, trong đó: Đầu là một kệ về Hiện pháp lạc trú thiên, nửa kệ trước là gia hạnh, tụng về phân biệt sắc pháp thế gian trước đây, như kinh luận...; nửa kệ sau là trú trong Định trình bày về Tuệ làm sáng tỏ lìa xa ngu si, không lay động là hiển bày về lìa xa tán loạn. Sau là một kệ dẫn đến công đức của thiên, Vô tận địa là tụng về nghe và tiếp nhận Chánh pháp cho đến nhiều kiếp không lui sụt quên mất... trước đây.

Thứ sáu từ “Vô lượng...” trở xuống có hai kệ tụng về hạnh Thiện hiện, trước là Chánh Thể của gia hạnh lược qua không tụng; trong Hậu đắc trí, một là Đại Trí thuộc Tự hành tụng về nhưng cũng không rời bỏ tâm Bồ-đề... trước đây, hai là Đại Bi thuộc Lợi tha tụng về không rời bỏ giáo hóa chúng sinh tăng thêm Đại Từ... trước đây.

Thứ bảy từ “Phật cam lộ...” trở xuống có bốn kệ tụng về hạnh Vô trước, trong đó: Đầu là một kệ tụng về được thật sự thọ ký trước đây, bởi vì Phương tiện độ đầy đủ trong này, cho nên nói là cứu cánh. Tiếp là một kệ tụng về Bi niệm chúng sinh... trước đây. Sau là hai kệ tụng về tâm không đắm trước đối với ngôn ngữ đạo lý trước đây.

Thứ tám từ “An trú...” trở xuống có tám kệ tụng về hạnh Tôn trọng, trong đó: Đầu là một kệ tụng về hiểu sâu xa Pháp giới trú-Vô tướng trú trước đây; tiếp là một kệ tụng về ở vô lượng kiếp thực hành Bồ-tát đạo không nghĩ đến những khổ đau mà sinh tâm lo buồn... trước đây; tiếp là hai kệ về dùng ánh mắt rộng khắp thấy Phật, cũng là tụng về giống như chư Phật ba đời... trước đây; tiếp là một kệ về giải thoát nhanh chậm, là Giải thoát Bất tư nghị cũng được, tụng về không phải là cứu cánh-không phải là không cứu cánh... trước đây; tiếp là một kệ tụng về nếu có chúng sinh nào thấy nghe cung kính thì đều được an trú không thối chuyển... trước đây; tiếp là một kệ tụng về tâm thường yêu

thích diệu pháp của chư Phật trước đây; sau cuối là 1 kệ tụng về không lia xa một chúng sinh-đắm theo nhiều chúng sinh... trước đây.

Thứ chín từ “Cụ túc trí...” trở xuống có ba kệ tụng về hạnh Thiện pháp, trong đó: Đầu là một kệ tụng về Trì thành tựu hồ pháp trong lành...; tiếp là một kệ tụng về Thuyết và Vấn đáp thành tựu...; sau cuối là một kệ dựa vào Định hiện thân tụng về thân sắc vàng ròng và mười thân... trước đây.

Thứ mười từ “Cứu cánh...” trở xuống có 46 kệ tụng về hạnh Chân thật trước đây, trong đó phân năm:

Một, Có ba kệ tụng về tổng quát, đầu là một kệ về Nhãn trí vượt qua tất cả; tiếp là hai kệ về thân-độ vô ngại, một kệ về Như ý thông, một kệ về Huyền thông.

Hai, Có bảy kệ tụng về lời nói và việc làm tương ứng trước đây, trong đó: Đầu là ba kệ tụng về Trí của Thập Lực đã thành tựu, tiếp là một kệ tụng về lời nói và việc làm đích thực không hư dối, sau là ba kệ tụng về tiến vào Phật tánh ba đời và thiện căn...

Ba, Từ “Thâm nhập trí hải...” trở xuống có 12 kệ tụng về dựa vào lời thề phát khởi thực hành, như lời nói thâm nhiếp chúng sinh trước đây. Văn trên tóm lược, trong này mở rộng. Trong đó: Đầu là ba kệ trao cho pháp nhãn-pháp vũ; tiếp là hai kệ về Tín kiên cố biết tâm giáo hóa; tiếp từ “Bất tư...” trở xuống là bốn kệ hiển bày về ba nghiệp tự tại giáo hóa; tiếp là hai kệ về biết căn trao cho pháp; sau cuối là một kệ kết luận ca ngợi hiển bày thù thắng.

Bốn, Từ “Bỉ trí vô dũ đẳng...” trở xuống có chín kệ tụng về nhân đã thành tựu đức đầy đủ trước đây, trong đó: Đầu là bốn kệ về hai trang nghiêm-hai Lợi đầy đủ; sau là năm kệ về ba nghiệp-hai Dụng cao nhất, một là thân, hai là ý, ba là ngữ, bốn là Dụng của thân, năm là Dụng của ngữ dụng. Như thứ tự nên biết, văn trên đây là Nghĩa thân-Vị thân không thể cùng tận của Bồ-tát này.

Năm, Từ “Tu tập Phật giải thoát...” trở xuống có 15 kệ tụng về đức của quả Phật đã thành tựu trước đây, trong đó có hai: Đầu là bảy kệ riêng biệt tụng về văn trên; sau là tám kệ gồm chung tụng về đức ấy.

*Trong phần đầu:* Đầu là một kệ tụng về thành tựu Vô ngại giải thoát-Vô úy hùng mạnh giữa loài người... của Như Lai trước đây; tiếp là một kệ tụng về đoạn tuyệt dòng chảy sinh tử, hòa vào biển trí tuệ, làm lợi ích cho chúng sinh...; tiếp ba kệ về tám tướng luôn luôn vắng lặng là tụng về tận cùng biển rộng phương tiện của chư Phật trước đây; tiếp là một kệ tụng về quán sát không hai nơi... trước đây; tiếp là một kệ tụng

về bảo vệ Chánh pháp của ba đời chư Phật trước đây.

Trong phần sau gồm chung tụng về đức của hạnh này, trong đó có tám kệ: Đầu là bốn kệ về hai Lợi thành tựu đầy đủ đức, trong ba kệ trước về Tự lợi, đầu là một kệ ca ngợi về Sắc căn thù thắng, chỉ ca ngợi về mắt-tai và thân, bởi vì là tánh chung mà không bàn đến mũi-lưỡi; tiếp là hai kệ ca ngợi về tâm thù thắng, một kệ về Tuệ, một kệ về Định; lại kệ đầu ca ngợi chung là ca ngợi về trí, kệ sau ca ngợi về Định-ca ngợi về Tuệ. Sau cuối là một kệ về Lợi tha. Tiếp từ “Nhất thiết tri kiến...” trở xuống là bốn kệ về đức thù thắng của ba nghiệp, một là nơi sinh thù thắng, hai là ngôn tự biện tài thù thắng, ba là ánh sáng nơi thân thù thắng, bốn là ứng với cơ thù thắng.

Trong phần ba là bốn kệ cuối cùng tổng quát kết luận về Thập Hạnh, ca ngợi để hiển bày về thù thắng, có thể biết.

-----